

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: MỞ RỘNG THAO TRƯỜNG HUẤN LUYỆN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU

(THAM VẤN)

Lai Châu, tháng 9 năm 2026

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: MỞ RỘNG THAO TRƯỜNG HUẤN
LUYỆN BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU

(THAM VẤN)

CHỦ DỰ ÁN



Lai Châu, tháng 9 năm 2026

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Lai Châu là một tỉnh miền núi Tây Bắc Việt Nam, có tọa độ địa lý từ 21⁰41' đến 22⁰49' vĩ độ Bắc và 102⁰19' đến 103⁰59' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, phía Đông giáp tỉnh Lào Cai, phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Điện Biên, phía Nam giáp tỉnh Sơn La. Lai Châu có diện tích tự nhiên là 9.068,78 km²; có 28 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 26 xã và 02 phường.

Dự án nằm tại phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu. Phường được thành lập theo Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 16/6/2025 trên cơ sở sáp nhập diện tích và dân số của 5 đơn vị hành chính cũ gồm: phường Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Sùng Phài và xã Lán Nhì Thành. Phường có tổng diện tích 134,31 km², dân số hơn 25.400 người; mật độ dân số là 189 người/km² và có 18 dân tộc cùng sinh sống.

Phường Đoàn Kết có vị trí địa lý như sau: Phía Bắc giáp xã Phong Thổ; phía Nam giáp phường Tân Phong, phía Đông giáp xã Sin Suối Hồ, phía Tây giáp xã Hồng Thu và xã Nậm Tăm.

Hiện trạng thao trường hiện có còn hạn chế về diện tích, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tổ chức đồng bộ các nội dung huấn luyện theo chương trình; một số khu vực chưa bảo đảm điều kiện để bố trí các hạng mục, bài tập và tổ chức huấn luyện cho lực lượng với quy mô phù hợp. Việc sử dụng thao trường trong điều kiện diện tích hạn chế cũng gây khó khăn trong tổ chức huấn luyện, bố trí lực lượng, phương tiện, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Việc đầu tư mở rộng thao trường huấn luyện là cần thiết nhằm tạo quỹ đất và không gian đủ lớn để tổ chức các nội dung huấn luyện theo yêu cầu; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quân sự, quốc phòng tại địa phương. Công trình sau khi hoàn thành sẽ góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện, rèn luyện thể lực, kỹ năng và khả năng phối hợp, xử lý tình huống của cán bộ, chiến sĩ; đồng thời bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ đột xuất khi có yêu cầu.

Phía Bắc, phía Tây, phía Nam giáp rừng, phía Đông giáp đất nông nghiệp.

Quy mô dự kiến đầu tư của dự án như sau: thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư để mở rộng thao trường với tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Xây dựng mới tường rào bảo vệ bao quanh thao trường, chiều dài khoảng 4.300m.

Tổng diện tích của dự án là 69,46 ha, trong đó đất hiện trạng là 12,3 ha; đất mở rộng là 57,16 ha.

Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo khoản 1 Điều 30 của Luật Bảo vệ môi trường và điểm b, khoản 1, mục VI, phụ lục IX ban hành

kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ: Về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2, mục 1, phần B, phụ lục IX, Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Nội dung của báo cáo ĐTM được thực hiện tuân thủ theo Mẫu 04, phụ lục V, ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, tại Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 28/7/2026

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

a. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

- Về quan điểm:

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn cả nước.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường là định hướng bảo vệ môi trường cho các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, yếu tố môi trường phải được tính đến trong từng hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với tự nhiên.

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia bảo đảm tính mở và linh hoạt để tích hợp, lồng ghép vào các quy hoạch khác có liên quan, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư sẽ đã xem xét bố trí và thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như thu gom, xử lý chất thải, kiểm soát nước thải, giảm thiểu bụi, tiếng ồn và giám sát môi trường trong quá trình thi công và vận hành. Điều này phù hợp với định hướng “chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và suy thoái môi trường” theo nội dung của Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, đồng thời đáp ứng yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật hiện

hành về bảo vệ môi trường.

b. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy định pháp luật về đa dạng sinh học

Khu vực thực hiện dự án không nằm trong khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan sinh thái quan trọng hoặc vùng đất ngập nước quan trọng theo Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, việc triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến các khu vực ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học cấp quốc gia và không mâu thuẫn với định hướng phân vùng bảo tồn đa dạng sinh học đã được phê duyệt.

Dự án chiếm dụng khoảng 8,31 ha đất rừng, trong đó 0,19 ha là đất rừng sản xuất và 8,12 ha đất rừng phòng hộ. Với điều kiện thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chuyển mục đích sử dụng đất rừng và kiểm soát tác động sinh thái như hạn chế tối đa diện tích phát quang, quản lý hoạt động thi công, thu gom xử lý chất thải và giám sát môi trường định kỳ sẽ được áp dụng trong suốt quá trình triển khai dự án thì tác động này là không đáng kể.

Với quy mô của dự án chủ yếu là thu hồi đất để mở rộng thao trường, hạng mục xây dựng là xây tường rào bảo vệ bao quanh thao trường nên phạm vi tác động của dự án chủ yếu mang tính cục bộ và tạm thời trong giai đoạn thi công. Do đó, xét tổng thể, việc triển khai dự án không gây ảnh hưởng đáng kể đến các giá trị đa dạng sinh học trong khu vực, phù hợp với định hướng bảo tồn thiên nhiên và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy hoạch và các quy định pháp luật hiện hành.

c. Sự phù hợp với Quy hoạch vùng

Theo Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì quan điểm của quy hoạch như sau:

+ Bảo đảm vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước.

+ Phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc biên giới của tổ quốc; phát huy hiệu quả thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng biên giới. Mở rộng hợp tác quốc tế và phối hợp chặt chẽ với các nước láng giềng về quốc phòng, an ninh, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển bền vững.

- Về phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bố nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng: Các khu vực hạn chế phát triển gồm các khu vực có địa hình đặc biệt, quan trọng ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng được xác định trong quy hoạch tỉnh.

- Về phương hướng bảo đảm quốc phòng, an ninh

+ Tập trung xây dựng thể trận và các tiềm lực trong khu vực phòng thủ vững chắc, lấy xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần làm cơ sở, tiềm lực kinh tế giữ vai trò nền tảng và tiềm lực quân sự, an ninh giữ vai trò cốt lõi. Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Hoàn thành việc bố trí tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, trong đó tập trung trên tuyến biên giới. Xây dựng các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới và xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị.

+ Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thể trận khu vực phòng thủ trên cơ sở cập nhật, tích hợp đầy đủ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên phạm vi cả nước được xác định tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 9297/VPCP-CN ngày 06 tháng 11 năm 2020 và văn bản số 430/TB-VPCP ngày 23 tháng 10 năm 2023 về rà soát, cập nhật, tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên quốc phòng vào hệ thống quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn các tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc.

d. Sự phù hợp của dự án với các quy hoạch khác

- Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

+ Phù hợp với Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1585/QĐ-TTg, ngày 07/12/2023 và điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 333/QĐ-UBND, ngày 27/02/2026.

+ Phù hợp với Quy hoạch chung đô thị liên phường Tân Phong – Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu (Đô thị Lai Châu) được UBND tỉnh phê duyệt ngày 17/7/2026.

- Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lai Châu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-3030.

- Về kế hoạch đầu tư: Dự án được thực hiện là phù hợp với chủ trương đầu tư đã được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 28/7/2026.

- Sự phù hợp về kế hoạch đầu tư: Dự án không bị trùng lặp với các dự án đang được triển khai trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

(1) Luật bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ: Về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;
- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của bộ trưởng bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.
- Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(2) Các văn bản pháp luật liên quan khác

*** Luật:**

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008; 73/VBHN-VPQH ngày 25/3/2026;
- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025;
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2025;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 01/01/2019; 68/VBHN-VPQH ngày 24/3/2026;

*** Nghị định:**

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;
- Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

*** Quyết định:**

- Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026;
- Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh Lai Châu

Ban hành quy định một số nội dung về quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026.

2.1.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn

1/ Quy chuẩn về môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí;

- QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

2/ Quy chuẩn về môi trường nước

- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

- QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

- QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- TCVN 6707:2009 – Chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo.

3/ Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác

- TCVN/QS 1472-2009 - Tiêu chuẩn đường tuần tra biên giới

- TCVN 10380:2014 - Tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn

- Các tiêu chuẩn vệ sinh lao động ban hành theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế (gồm các tiêu chuẩn vẫn còn hiệu lực thi hành) và các tiêu chuẩn môi trường lao động khác có liên quan;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan dự án

- Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Mở rộng thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Hồ sơ thiết kế, dự toán của dự án bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Số liệu đo đạc và phân tích hiện trạng chất lượng môi trường khu vực dự án;

- Một số tài liệu khác.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Để đánh giá cụ thể từng tác động đến môi trường trong từng giai đoạn thực hiện dự án từ đó đưa ra được những giải pháp tối ưu nhằm khống chế ô nhiễm, bảo vệ sức khỏe và môi trường sống của người dân trong khu vực và giảm thiểu các tác động khác có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu đã chủ trì thực hiện với sự tư vấn của Công ty TNHH tư vấn xây dựng P&T tiến hành đánh giá và lập báo cáo ĐTM dự án: Mở rộng thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu theo trình tự các bước như sau:

Bước 1: Nghiên cứu, tổng hợp và thu thập các tài liệu, dữ liệu về dự án và một số dự án có tính chất tương tự.

Bước 2: Khảo sát thực địa khu vực thực hiện dự án và tiến hành lấy mẫu quan trắc môi trường nền khu vực thực hiện dự án.

Bước 3: Phân tích, đánh giá các tác động tới môi trường khi triển khai thực hiện dự án và khi dự án đi vào vận hành.

Bước 4: Đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường cho dự án đối với từng giai đoạn, từng loại tác động phát sinh.

Bước 5: Thống kê các công trình bảo vệ môi trường đã đề xuất, đánh giá công trình bảo vệ môi trường, chương trình quản lý và giám sát môi trường của toàn bộ dự án.

Bước 6: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bản dự thảo của dự án để thực hiện tham vấn.

Bước 7: Thực hiện tham vấn trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Lai Châu, tham vấn cơ quan quản lý của địa phương, tham vấn cộng đồng dân cư và các tổ chức bị ảnh hưởng do việc thực hiện dự án.

Bước 8: Hoàn chỉnh báo cáo ĐTM của dự án trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

a. Chủ dự án: **Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu**

- Địa chỉ: Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu

- Đại diện là: Đại tá Hoàng Thanh Bình

- Chức vụ: Phó Chỉ huy trưởng

b. Đơn vị tư vấn: **Công ty TNHH tư vấn xây dựng P&T**

- Người đại diện ông: Phan Thành Phương

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 034 đường Phan Chu Trinh, tổ 9, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

- Điện thoại: 0915.0888.55

- Mã số thuế: 6200127149

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6200127149 do sở KH&ĐT tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 30/5/2025.

c. Đơn vị phối hợp quan trắc và phân tích môi trường: **Công ty TNHH tư vấn và công nghệ môi trường xanh**

- Địa chỉ: Số 54 Dương Quảng Hàm, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
- Đại diện là ông: Lương Văn Ninh Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02462927328
- Mã số thuế: 0106787073

Giấy chứng đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 276 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

Danh sách những người tham gia chính trong quá trình nghiên cứu xây dựng Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án như sau:

Bảng 0.1. Danh sách các thành viên tham gia lập Báo cáo ĐTM

I	Đơn vị tư vấn	
1	Phan Thành Phương	Điều hành chung
2	Lê Thị Thủy	Khảo sát hiện trạng, tham vấn cộng đồng, tổng hợp báo cáo, bảo vệ trước hội đồng thẩm định
3	Nguyễn Văn Quỳnh	Khảo sát hiện trạng, tham vấn cộng đồng, tổng hợp báo cáo, bảo vệ trước hội đồng thẩm định
4	Trần Thị Bích	Tham vấn cộng đồng. Lập báo cáo
5	Nguyễn Thị Thu Hiền	Tham vấn cộng đồng. Lập báo cáo

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

Để lập được báo cáo ĐTM, quá trình triển khai đã áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau để tiến hành phân tích, dự báo và đánh giá các tác động tới các yếu tố môi trường trong trường hợp xây dựng công trình, trong đó đặc biệt quan tâm tới các yếu tố môi trường kém ổn định như môi trường sinh thái, môi trường KTXH. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường cho dự án được sử dụng như sau:

Bảng 0.2. Danh mục các phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM

STT	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
I	CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐTM		
1	Phương pháp danh mục/Liệt kê	- Liệt kê kèm theo mô tả nội dung, khối lượng và quy mô các hạng mục của dự án được triển khai trong từng giai đoạn: Chuẩn bị, thi công và vận hành của dự án.	- Chương 1: Liệt kê, mô tả các hạng mục của dự án và các vấn đề liên quan. - Chương 2: Liệt kê,

STT	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
		- Liệt kê các đối tượng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và các vấn đề môi trường liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án. - Liệt kê các tác động môi trường, liệt kê các đối tượng bị tác động và các vấn đề môi trường liên quan đến từng hoạt động của dự án.	thống kê số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và các vấn đề môi trường liên quan khác. - Chương 3: Nhận dạng các tác động và đối tượng bị tác động môi trường.
2	Phương pháp đánh giá nhanh	+ Đánh giá các hoạt động, dự báo về tải lượng, nồng độ ô nhiễm đối với các nguồn chất thải hoặc tiếng ồn, rung động. + Đánh giá dự báo về mức độ, phạm vi, quy mô bị tác động dựa trên cơ sở định lượng theo hệ số ô nhiễm từ các tài liệu.	- Chương 2: Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường, sức chịu tải môi trường khu vực dự án. - Chương 3: Đánh giá, so sánh các kết quả tính toán dự báo ô nhiễm môi trường so với các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.
3	Phương pháp mô hình hóa	+ Đánh giá dự báo phạm vi, mức độ tác động đến các đối tượng bị tác động trong từng hoạt động của dự án. + Các mô hình được áp dụng bao gồm: Mô hình tính toán dự báo các tác động do bụi, khí thải: Mô hình “hộp cô định”; Mô hình cải biên Sutton; Mô hình tính toán lan truyền tiếng ồn; Mô hình tính toán tiếng ồn tổng cộng; Mô hình tính toán ô nhiễm nước mưa chảy tràn bề mặt; ...	+ Chương 3. Đánh giá dự báo lan truyền ô nhiễm đối với khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn và rung động từ các hoạt động của dự án.
II	CÁC PHƯƠNG PHÁP KHÁC		
1	Phương pháp điều tra	- Điều tra về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của dự án. - Điều tra về các đối tượng môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội chịu tác động từ các hoạt động của dự án	- Chương 2: Mô tả về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực dự án.
2	Phương pháp lấy mẫu và phân tích	- Lấy mẫu các thành phần môi trường của dự án thực hiện tại hiện trường. - Phân tích các mẫu hiện trạng môi trường tự nhiên tại phòng thí	- Chương 2. Đánh giá về hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án.

STT	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
		nghiệm	
5	Phương pháp tham vấn	- Tham vấn trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Lai Châu; - Tham vấn bằng văn bản đối với UBND, UBMTTQ phường Đoàn Kết. - Tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động từ dự án.	- Chương 5: Nội dung, biện pháp và các kết quả tham vấn ý kiến cộng đồng

Nhìn chung, các phương pháp được sử dụng trong quá trình ĐTM của dự án đều sử dụng trong toàn bộ quá trình ĐTM và có các kết quả bổ trợ cho nhau để hoàn thiện báo cáo ĐTM tổng hợp của dự án với các nội dung được trình bày chi tiết trong các chương tiếp theo của báo cáo.

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

5.1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Mở rộng thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu.
- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.
- Chủ dự án đầu tư: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu

5.1.2. Quy mô, công suất

Thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để mở rộng thao trường với tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Xây dựng mới tường rào bảo vệ bao quanh thao trường, chiều dài khoảng 4.300m.

Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là: 69,46 ha. Trong đó mặt bằng hiện trạng là 12,3 ha; đất mở rộng là 57,16 ha.

5.1.3. Công nghệ sản xuất: Không

5.1.4. Phạm vi

* Các hạng mục công trình

- Thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
- Xây mới tường rào bảo vệ bao quanh thao trường, chiều dài khoảng 4.300m.

* Hoạt động của dự án

a. Giai đoạn dọn dẹp mặt bằng, thi công xây dựng.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng để thi công dự án.
- Hoạt động vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình
- Hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường.

b. Giai đoạn hoạt động.

- Hoạt động diễn tập phòng thủ

5.1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án chiếm dụng diện tích đất rừng phòng hộ với diện tích là 8,12 ha là yếu tố nhạy cảm về môi trường căn cứ điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

5.1.6. Nội dung đề nghị xác nhận đã đáp ứng các tiêu chí môi trường

Không có

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Bảng 0.3. Hạng mục công trình chính và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường

STT	Hạng mục công trình	Hoạt động	Tác động
1	Xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh thao trường	- <i>Giai đoạn thi công:</i> + Giải phóng mặt bằng; + Vận chuyển nguyên vật liệu; + Thi công các hạng mục công trình - <i>Giai đoạn vận hành:</i> + Hoạt động diễn tập phòng thủ.	- <i>Giai đoạn thi công</i> + Phát sinh bụi, khí thải do vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị thi công. + Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt của công nhân; + Phát sinh nước thải trong thi công xây dựng; + Phát sinh chất thải nguy hại. - <i>Giai đoạn vận hành:</i> + Khí thải, nước mưa chảy tràn, tiếng ồn. + Chất thải rắn, chất thải sinh hoạt của công nhân, chất thải nguy hại do hoạt động sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng tuyến đường.

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

5.3.1. Giai đoạn thi công

5.3.1.1. Nước thải, khí thải

5.3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Bảng 0.4. Tác động do nước thải

Nguồn phát sinh	Tính chất
<i>Giai đoạn thi công</i>	
Nước thải sinh hoạt	TSS, BOD ₅ , COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ động thực vật, coliform...
Từ thi công các hạng mục	TSS, độ đục, dầu mỡ...
<i>Giai đoạn vận hành</i>	
Diễn tập phòng thủ	TSS, BOD ₅ , COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ động thực vật, coliform...

Bảng 0.5. Tác động do khí thải

Nguồn phát sinh	Tính chất
<i>Giai đoạn thi công</i>	
Từ hoạt động GPMB; đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của máy móc, thiết bị	Bụi, khí thải (CO, SO _x , NO _x ,
<i>Giai đoạn vận hành</i>	
Từ hoạt động giao thông; hoạt động sửa chữa, bảo trì	Bụi, khí thải (CO, SO _x , NO _x ,

5.3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

Bảng 0.6. Tác động do chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh	Tính chất
<i>Giai đoạn thi công</i>	
Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân	Các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...
<i>Giai đoạn vận hành</i>	
Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân trong thời gian bảo trì	Các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

Bảng 0.7. Tác động do chất thải rắn thông thường

Nguồn phát sinh	Tính chất
<i>Giai đoạn thi công</i>	
Thi công các hạng mục	Nguyên vật liệu thừa, hỏng
<i>Giai đoạn vận hành</i>	
Diễn tập phòng thủ	Chất thải rắn sinh hoạt

Bảng 0.8. Tác động do chất thải nguy hại

Nguồn phát sinh	Tính chất
<i>Giai đoạn thi công</i>	
Bảo dưỡng thiết bị, xe, máy thi công	Găng tay, giẻ lau dính dầu, dầu thải, pin, acquy...
<i>Giai đoạn vận hành</i>	
Bảo dưỡng thiết bị, xe, máy thi công trong quá trình bảo trì	Găng tay, giẻ lau dính dầu, dầu thải, pin, acquy...

5.3.3. Tiếng ồn, độ rung**Bảng 0.9. Tác động do tiếng ồn, độ rung**

Nguồn phát sinh	Quy chuẩn áp dụng
Từ hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện	QCVN 26:2025/BTNMT QCVN 27:2025/BTNMT
Hoạt động giao thông	QCVN 26:2025/BTNMT QCVN 27:2025/BTNMT

5.3.4. Các tác động khác**Bảng 0.10. Tác động do nước mưa**

Nguồn phát sinh	Tính chất
<i>Giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành</i>	
Nước mưa chảy tràn	TSS, độ đục, dầu mỡ...

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

5.4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

1. Giai đoạn thi công

a. Nước thải sinh hoạt

- Không bố trí lán trại sinh hoạt của công nhân trên công trường thi công. Công nhân thuê nhà trong các khu dân cư để ở và sinh hoạt để giảm thiểu tối đa lượng phát thải ra khu vực thi công.

- Chủ đầu tư quản lý và giám sát chặt chẽ nhà thầu đảm bảo tuyệt đối không xả nước thải trực tiếp vào môi trường trên cơ sở các điều khoản ghi trong kế hoạch quản lý môi trường của nhà thầu;

+ Ưu điểm: Đơn giản, dễ áp dụng.

+ Mức độ khả thi: Tương đối cao.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

- Vị trí xả thải: Khu vực lán trại của công nhân.

b. Nước thải thi công xây dựng

* Nước thải thi công các hạng mục công trình

- Sử dụng nguyên vật liệu cát, đá sạch trong quá trình thi công để không làm phát sinh nước thải từ hoạt động rửa vật liệu.

- Nước thải thi công dẫn vào hệ thống rãnh thoát nước kích thước (0,3x0,3)m qua hố lắng. Bố trí 01 hố lắng bằng đất, lót bạt bên dưới để nước thải không bị ngấm xuống đất với kích thước (2x1,5x1)m xử lý lắng đọng trước khi chảy ra ngoài môi trường.

- Định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước và hố lắng hoặc đột xuất khi mưa lớn. Chất thải từ quá trình nạo vét với thành phần là đất, cát được vận chuyển đưa đi đổ tại bãi đổ thải của dự án.

* Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau khi qua rãnh thoát nước và hố lắng tự đào sẽ chảy vào các khe suối dọc tuyến dự án

c. Nước mưa chảy tràn

- Nạo vét hố lắng và khơi thông rãnh thoát nước hiện có của thao trường tại các vị trí để các chất cặn không đọng lại gây ách tắc dòng chảy.

5.4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

1. Giai đoạn thi công

* Bụi do vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu

- Che bạt phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu hay đất đá thải;

- Yêu cầu các chủ phương tiện tham gia đổ thải chạy đúng tốc độ, đúng quy định về an toàn giao thông;

- Đảm bảo định kỳ bảo dưỡng và đánh giá chất lượng khí thải của xe, không sử dụng xe đã quá niên hạn sử dụng;

- Phân bố mật độ xe ra vào chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, có bố trí người cảnh giới và chỉ đường để tránh ùn tắc giao thông gây ô nhiễm cho khu vực;

- Bố trí công nhân thực hiện thu gom, quét dọn vật liệu bị rơi vãi. Chất thải rơi vãi được vận chuyển đổ thải cùng với đất đá thừa từ dự án;

- Phun nước dập bụi trên tuyến đường vận chuyển vào các ngày nắng với tần suất 2 – 4 lần/ngày nhằm hạn chế bụi phát tán trong quá trình vận chuyển;

- Yêu cầu các xe vận chuyển khi đi ra ngoài phạm vi dự án cần đi qua cầu rửa xe tại vị trí cổng ra vào dự án để rửa xe trước khi chạy ra ngoài.

** Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị*

- Tổ chức thi công hợp lý, chỉ vận hành các máy móc, thiết bị và phương tiện đạt tiêu chuẩn cho phép;

- Bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ trong suốt thời gian thi công;

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để tiết kiệm nhiên liệu và giảm thải ở mức thấp nhất;

- Máy móc, thiết bị thi công sau khi sử dụng sẽ được vệ sinh sạch và tập kết tại các địa điểm quy định trên công trường;

- Trang bị các thiết bị bảo hộ cho công nhân.

5.4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

5.4.2.1. Chất thải rắn

1. Giai đoạn thi công

a. Chất thải sinh hoạt

Thực hiện thu gom, phân loại tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Lai Châu; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026.

- Tại mỗi khu vực lán trại, bố trí 03 thùng rác dung tích 120 lít để thu gom rác thải phát sinh tại nơi ở của công nhân để thực hiện phân loại chất thải gồm chất thải theo hướng dẫn của Quyết định số 35/QĐ-UBND, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026. Cụ thể gồm nhóm chất thải hữu cơ, nhóm chất thải có khả năng tái chế, nhóm chất thải khác.

- Đối với chất thải hữu cơ như cơm, rau củ quả thừa hàng ngày sẽ được thu gom cho vào thùng riêng có nắp đậy và tận dụng cho người dân xung quanh làm thức ăn chăn nuôi. Ngoài ra, người đứng đầu đơn vị thi công khuyến khích công nhân chế biến thức ăn vừa đủ với số lượng người để hạn chế chất thải này phát sinh;

- Đối với chất thải có khả năng tái chế như bìa, vỏ chai nhựa.... sẽ được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy, công nhân có thể bán cho đơn vị thu mua hàng tái chế hoặc hàng ngày thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển và xử lý tần suất 3 ngày/lần hoặc

khi thùng đầy.

- Đối với chất thải khác như túi nilon cũng sẽ được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy và khi thùng đầy đưa ra lò đốt chất thải thông thường của xã để xử lý.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của công nhân về vệ sinh môi trường, xử phạt hành chính đối với các trường hợp vi phạm.

b. Chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn trong xây dựng

- Phế thải phát sinh từ hoạt động xây dựng: Thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- + Sử dụng vật liệu đúng quy cách, đúng tiêu chuẩn tránh thừa gây lãng phí và hạn chế lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công.

- + Chủ đầu tư sẽ cùng với đơn vị thi công có biện pháp thu gom, phân loại, tận thu sử dụng và xử lý đối với từng loại chất thải rắn xây dựng phát sinh trên để đảm bảo vệ sinh môi trường tại khu vực Dự án và tránh chiếm chỗ, cản trở giao thông tại khu vực.

- + Mỏ sắt, thép, vỏ bao xi măng được bán cho các đơn vị thu gom phế liệu.

- + Chất thải rắn không tận dụng được (gạch vỡ, cát, đá vôi vữa rơi vãi, bê tông chết) thực hiện thu gom và đem đi đổ thải cùng với đất đá thừa từ quá trình đào đắp.

2. Giai đoạn vận hành

Đối với chất thải rắn thông thường gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn trong quá trình diễn tập phải quản lý theo từng loại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5.4.2.2. Chất thải nguy hại

1. Giai đoạn thi công

- Nghiêm cấm các hoạt động chôn lấp, đốt hoặc đổ thải đối với dầu mỡ thải và các chất thải rắn nguy hại trên công trường.

- Các phương tiện hoạt động thi công khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay dầu được đưa tới các gara chuyên nghiệp trong khu vực để xử lý các vấn đề liên quan đến kỹ thuật.

- Thuê với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định.

2. Giai đoạn vận hành

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý, quản lý CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5.4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung chủ yếu phát sinh trong giai đoạn thi công dự án.

a. Tiếng ồn

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến đường giao thông vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không chạy quá tốc độ. Ngoài ra các máy móc có tiếng ồn lớn không vận hành sau 22h;

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc, xe đồng thời không sử dụng loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường;

- Đối với các thiết bị gây ồn sẽ được thiết kế giảm độ ồn cho máy khi vận hành.

Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị, thay thế linh kiện xuống cấp;

- Hạn chế hoạt động đồng thời của các thiết bị có độ ồn cao.

* Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Độ rung

- Áp dụng công nghệ thi công hiện đại giảm tối đa rung động tránh ảnh hưởng tới công nhân làm việc trên công trường;

- Hạn chế các xe tải trọng tải lớn vận chuyển vật liệu vào ban đêm;

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị thi công;

- Đối với công nhân xây dựng: trang bị bảo hộ cá nhân cho công nhân làm việc tại các bộ phận gây ồn, rung cao như găng tay, ủng, mũ chụp tai. Thường xuyên nhắc nhở công nhân sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động.

* Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.4.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

5.4.4.1. Đa dạng sinh học

- Việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất sẽ giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái và cảnh quan môi trường.

- Chỉ thực hiện dự án trong khu vực đã được quy hoạch, không được lấn chiếm thêm diện tích;

- Không tập kết chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại ra khu vực đất sản xuất của người dân;

- Phổ biến cho công nhân về ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường tại các khu vực xung quanh, không xâm phạm ngoài chỉ giới của dự án.

- Thành lập đội giám sát thi công để đảm bảo hoạt động thi công được xây dựng trong đúng phạm vi cho phép cũng như giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường khác.

5.4.4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

* *Tai nạn lao động, tai nạn giao thông*

An toàn lao động

- Quy định các nội quy làm việc tại công trường bao gồm: nội quy ra, vào; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; an toàn điện; an toàn giao thông; an toàn cháy nổ...

- Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường đều được học tập các quy định về an toàn lao động.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công.

- Phối hợp với cơ quan y tế địa phương để kịp thời ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

** Sự cố cháy nổ*

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;

- Các loại nhiên liệu, hóa chất dễ bắt lửa được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện;

- Các máy móc, thiết bị thi công sẽ được quản lý thông qua hồ sơ lý lịch, được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng;

- Đường ra vào và trong nội bộ công trường được bố trí thuận tiện cho xe chữa cháy thực hiện nhiệm vụ khi có sự cố;

- Ban hành nội quy cấm công nhân hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể bắt cháy;

- Đối với hoạt động đốt nhựa đường cần có sự giám sát trong quá trình đốt để không cháy lan ra ngoài phạm vi thực hiện; sau khi đốt xong cần lấy nước dập tắt hoàn toàn để không còn mối lửa gây hỏa hoạn.

- Phối hợp chặt chẽ với cảnh sát PCCC, phòng chống và xử lý kịp thời, khắc phục sự cố nếu có.

- Chủ động thực hiện các quy định của nhà nước về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng;

- Phối hợp với chính quyền địa phương và lực lượng kiểm lâm để hỗ trợ trong các trường hợp cháy rừng.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Căn cứ Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường. Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng bắt buộc phải thực hiện quan trắc môi trường tự động, liên tục, định kỳ. Chính vì vậy, báo cáo đề xuất việc giám sát chất thải như sau:

5.5.1. Giai đoạn thi công

a. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: khu vực phát sinh chất thải rắn xây dựng, CTNH

- Thông số giám sát: Việc thu gom, phân định, phân loại, khối lượng chất, chủng loại thải rắn phát sinh;

- Quy định so sánh: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Tần suất: Thường xuyên và liên tục trong quá trình thi công dự án

b. Giám sát khác

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động;

- Vận chuyển nguyên vật liệu của dự án;

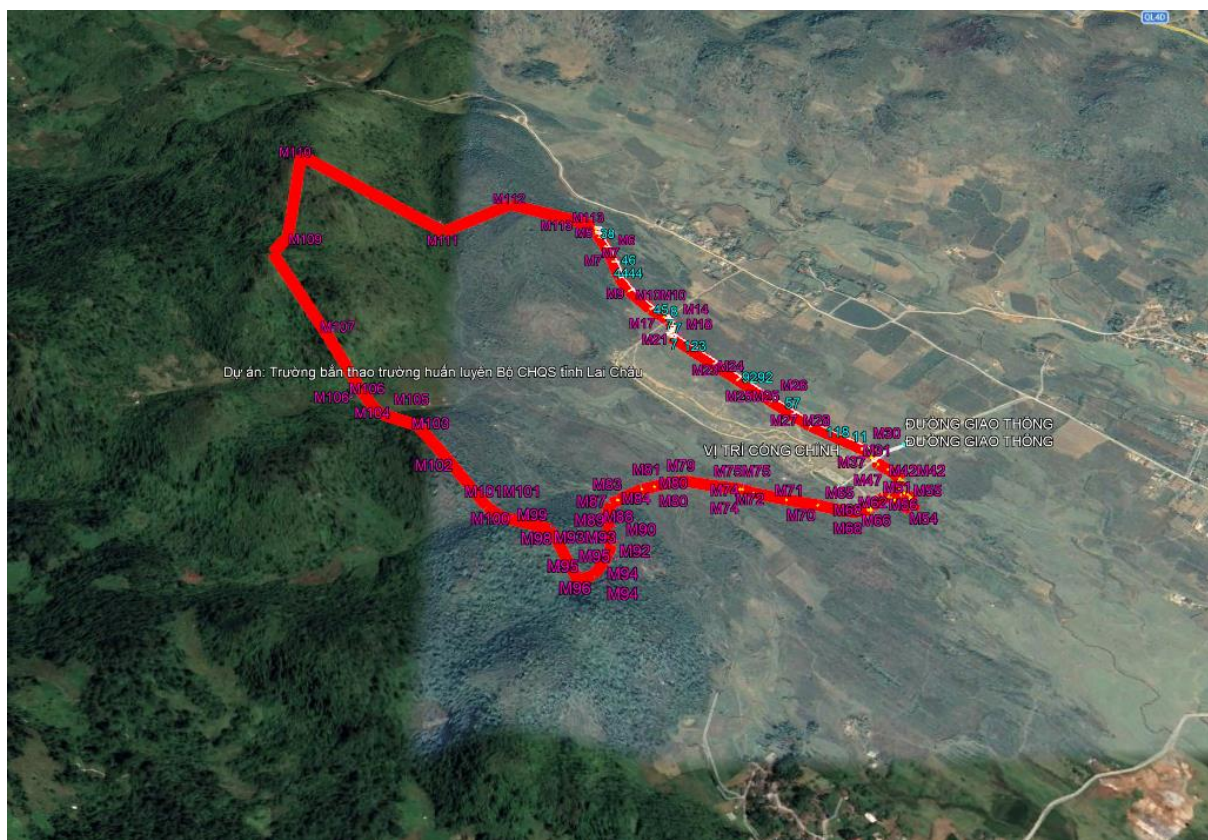
- Sạt lở, sụt lún;
- Tần suất giám sát: hàng ngày, trong suốt thời gian thi công.

5.5.2. Giai đoạn vận hành

- Thông số giám sát: Chất lượng công trình
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

TT	Tên cọc	X	Y	TT	Tên cọc	X	Y
15	M15	2.480.261,370	540.794,360	72	M72	2.479.751,957	540.936,132
16	M16	2.480.252,270	540.792,740	73	M73	2.479.758,865	540.923,442
17	M17	2.480.245,290	540.792,480	74	M74	2.479.762,349	540.916,479
18	M18	2.480.240,370	540.794,870	75	M75	2.479.763,134	540.911,087
19	M19	2.480.236,560	540.791,920	76	M76	2.479.766,486	540.900,984
20	M20	2.480.229,900	540.792,620	77	M77	2.479.774,440	540.858,761
21	M21	2.480.222,840	540.791,210	78	M78	2.479.787,797	540.807,299
22	M22	2.480.220,040	540.794,000	79	M79	2.479.783,101	540.778,437
23	M23	2.480.135,650	540.878,160	80	M80	2.479.770,353	540.747,342
24	M24	2.480.087,912	540.925,767	81	M81	2.479.760,365	540.722,977
25	M25	2.480.036,623	540.976,923	82	M82	2.479.744,026	540.703,810
26	M26	2.480.023,010	540.990,500	83	M83	2.479.715,788	540.677,384
27	M27	2.479.982,520	541.030,871	84	M84	2.479.695,197	540.664,738
28	M28	2.479.948,030	541.065,270	85	M85	2.479.669,525	540.660,189
29	M29	2.479.879,210	541.161,290	86	M86	2.479.656,560	540.656,492
30	M30	2.479.871,830	541.168,960	87	M87	2.479.647,356	540.654,829
31	M31	2.479.870,020	541.173,800	88	M88	2.479.618,960	540.658,200
32	M32	2.479.866,490	541.177,090	89	M89	2.479.599,019	540.662,556
33	M33	2.479.861,320	541.179,080	90	M90	2.479.584,202	540.661,430
34	M34	2.479.856,330	541.178,300	91	M91	2.479.546,993	540.666,090
35	M35	2.479.851,390	541.176,490	92	M92	2.479.519,685	540.660,550
36	M36	2.479.843,670	541.177,740	93	M93	2.479.496,920	540.654,200
37	M37	2.479.842,130	541.182,500	94	M94	2.479.456,910	540.635,190
38	M38	2.479.834,200	541.187,700	95	M95	2.479.448,765	540.624,787
39	M39	2.479.818,870	541.205,470	96	M96	2.479.439,153	540.609,533
40	M40	2.479.807,920	541.215,280	97	M97	2.479.511,002	540.573,160
41	M41	2.479.793,670	541.225,110	98	M98	2.479.536,269	540.560,368

TT	Tên cọc	X	Y	TT	Tên cọc	X	Y
42	M42	2.479.788,150	541.228,170	99	M99	2.479.628,026	540.473,498
43	M43	2.479.783,260	541.225,940	100	M100	2.479.643,277	540.459,058
44	M44	2.479.785,190	541.221,550	101	M101	2.479.667,393	540.436,227
45	M45	2.479.774,260	541.218,350	102	M102	2.479.757,822	540.359,334
46	M46	2.479.766,810	541.221,000	103	M103	2.479.823,578	540.303,420
47	M47	2.479.760,870	541.212,470	104	M104	2.479.953,560	540.210,769
48	M48	2.479.750,390	541.221,410	105	M105	2.479.971,273	540.198,143
49	M49	2.479.753,720	541.228,990	106	M106	2.480.016,729	540.165,742
50	M50	2.479.750,580	541.234,720	107	M107	2.480.121,011	540.091,410
51	M51	2.479.743,830	541.239,540	108	M108	2.480.288,180	539.972,253
52	M52	2.479.738,650	541.235,230	109	M109	2.480.394,982	539.981,357
53	M53	2.479.729,050	541.246,810	110	M110	2.480.581,819	539.997,284
54	M54	2.479.711,870	541.238,920	111	M111	2.480.530,383	540.292,143
55	M55	2.479.711,370	541.235,710	112	M112	2.480.548,788	540.444,346
56	M56	2.479.715,060	541.232,060	113	M113	2.480.581,191	540.569,975
57	M57	2.479.723,070	541.220,620				



Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án qua bản đồ vệ tinh

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án

Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 69,46 ha. Trong đó đất hiện trạng là 12,3 ha; đất mở rộng là 57,16 ha.

Bảng 1.4. Diện tích chiếm dụng từng loại đất

STT	Loại đất	Diện tích chiếm dụng (ha)
I	Đất hiện trạng	12,3
II	Đất mở rộng	57,16
1	Đất thủy lợi (ĐTL)	16,69
2	Đất rừng sản xuất (RSX)	0,19
3	Đất rừng phòng hộ (RPH)	8,12
4	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS)	1,37
5	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	27,34
6	Đất trồng lúa nước còn lại	3,45
Tổng		69,46

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án cách khu dân cư gần nhất của phường Đoàn Kết khoảng 175m ở phía Đông Bắc của dự án.

- Dự án tiếp giáp với rừng phòng hộ.

1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

a. Mục tiêu của dự án

Mở rộng Thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Lai Châu phù hợp với yêu cầu thực tế, góp phần bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng, khả năng sẵn sàng chiến đấu và đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới.

b. Loại hình, quy mô, công suất của dự án

- Loại công trình: Công trình dân dụng

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Loại dự án: dự án nhóm C.

➤ Quy mô dự án:

Thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để mở rộng thao trường với tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Xây dựng mới tường rào bảo vệ bao quanh thao trường, chiều dài khoảng 4.300m.

c. Công nghệ sản xuất: Không

1.1.7. Phạm vi

1.1.7.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1. Các hạng mục công trình

Tường rào thép gai L=4.300m

Kết cấu: Móng bê tông xi măng mác 150#, đá 2x4cm. Trụ tường rào kết cấu BTCT mác 250#, đá 1x2cm. Hàng rào được giăng thép gai 4 hàng bảo vệ.

2. Hoạt động của dự án

a. Giai đoạn dọn dẹp mặt bằng, thi công xây dựng;

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng để thi công dự án;

- Hoạt động vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu;

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình;

- Hoạt động hoàn trả mặt bằng.

b. Giai đoạn hoạt động.

- Diễn tập phòng thủ

1.1.7.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: Không.

1.1.7.3. Các hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: Không.

1.1.8. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP thì việc dự án chiếm dụng 8,12 ha đất rừng phòng hộ là yếu tố nhạy cảm về môi trường.

1.1.9. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu sẽ trực tiếp thực hiện các thủ tục về đầu tư và chịu trách nhiệm quản lý sử dụng công trình.

Việc lựa chọn các công nghệ thi công khác nhau có thể gây ra các tác động môi trường khác nhau trong quá trình thi công dự án. Đối với dự án, các biện pháp, công nghệ thi công, lắp đặt đã lựa chọn nhằm hạn chế tối đa các vấn đề môi trường có thể xảy ra trong quá trình thi công và phù hợp với điều kiện thực tế của dự án. Công trình được thiết kế phù hợp với các công trình xung quanh, phù hợp với yêu cầu sử dụng, với diện tích và địa hình khu đất. Phù hợp với vùng khí hậu của khu vực. Lựa chọn công nghệ thi công phổ biến đảm bảo sự đáp ứng của các nhà thầu trong nước và tại địa phương. Cụ thể như sau:

- Đáy móng phải được đặt trên nền đất nguyên thổ. Trong quá trình đào hố móng, nếu phát hiện thấy nền đất yếu phải có ý kiến và biện pháp xử lý của đơn vị tư vấn thiết kế mới được tiến hành thi công tiếp.

- Xây 3 dọc 1 ngang hoặc 5 dọc 1 ngang, khối xây phải không trùng mạch, mạch vừa phải đầy.

- Nếu xây trong điều kiện thời tiết khô hanh đồng thời xây vừa XM thì gạch phải được tưới nước.

- Bê tông sau khi đổ phải được bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo độ ẩm tiêu chuẩn 18%.

- Mạch dừng thi công cột phải cách đáy dầm 5cm.

- Thi công sàn hoặc dầm, nếu phải dừng thi công, mạch dừng phải cách gối tựa một khoảng là 1/3 nhịp.

- Thép nếu bị rỉ phải cạo sạch.

- Đường hàn phải đảm bảo chiều dài và bề dày, không được rỗ.

Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường bao gồm:

- Giai đoạn thi công: dọn dẹp mặt bằng, thi công hạng mục tường rào làm ô nhiễm

môi trường đất, nước, không khí, tạo ra tiếng ồn, độ rung, làm ảnh hưởng đến cảnh quan, sinh thái.

- Giai đoạn vận hành: hoạt động diễn tập phòng thủ phát sinh nước thải, chất thải và sự cố trong quá trình diễn tập phòng thủ.

Để đảm bảo tính bền vững thì Chủ dự án cũng như đơn vị thi công cần sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định định kỳ, đồng thời áp dụng các biện pháp kỹ thuật cũng như ý thức của công nhân để giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động xấu đến môi trường.

1.2. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

➤ Tiến độ thực hiện dự án: Giai đoạn 2026-2027

➤ Tổng mức đầu tư: 65.500.000.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cụ thể:

Chi phí GPMB:	62.500.000.000	đồng
Chi phí xây dựng:	2.151.057.348	đồng
Chi phí Quản lý dự án:	58.655.142	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	688.908.166	đồng
Chi phí khác:	101.144.450	đồng
Chi phí dự phòng:	234.894	đồng
Tổng:	65.500.000.000	đồng

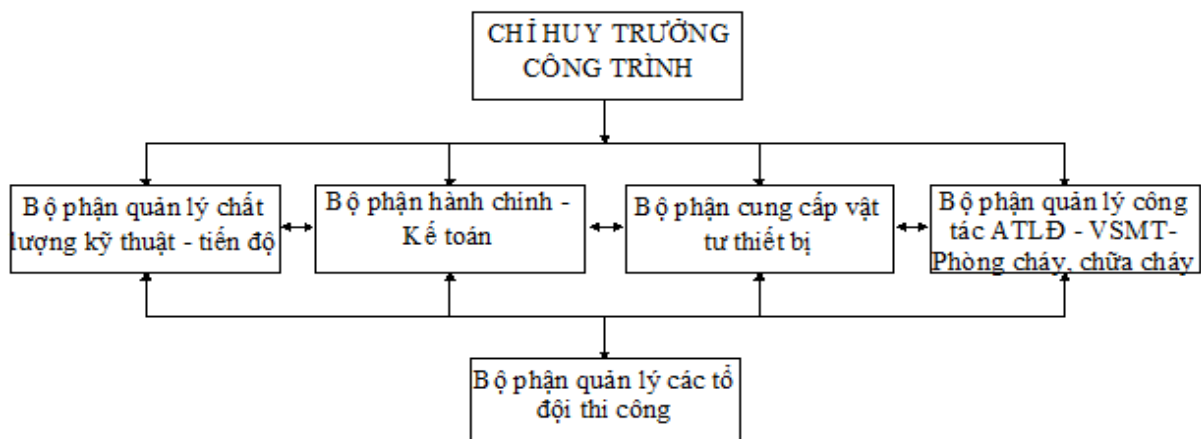
- Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách địa phương

➤ Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

* Giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thi công.

Dự án được tổ chức theo hình thức Chủ dự án trực tiếp quản lý dự án. Các công việc được thực hiện chủ yếu bởi các nhà thầu, dưới sự giám sát của Tư vấn giám sát và quản lý của Chủ dự án. Một số công việc tùy theo năng lực sẽ do Chủ dự án tự thực hiện.

* Sơ đồ tổ chức quản lý thi công như sau:



+ Chỉ huy trưởng công trường: Chỉ huy trưởng công trường chịu trách nhiệm

trước Giám đốc Công ty về triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch và tiến độ, chất lượng công trình. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn chuẩn bị các thủ tục cho nghiệm thu, bàn giao công trình, điều phối các hoạt động của các đội, tổ thi công trên công trường; giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thi công như điều chỉnh lực lượng, máy móc thiết bị, vật tư, vật liệu phục vụ tốt nhất cho việc thi công công trình. Giúp việc trực tiếp cho Giám đốc có chỉ huy trưởng công trình, bộ phận cán bộ kỹ thuật, trực tiếp giúp giám đốc chỉ đạo thi công đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật của công trình theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

+ Bộ phận quản lý chất lượng kỹ thuật – tiến độ thi công: Bộ phận kỹ thuật chịu trách nhiệm tổ chức thi công, quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình và theo dõi tiến độ thi công hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng; phát hiện, đưa ra các biện pháp phù hợp để điều chỉnh quy trình thi công hợp lý nhằm nâng cao chất lượng công trình và đẩy nhanh tiến độ thi công; thí nghiệm, kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, giám sát chất lượng vật tư, vật liệu đưa vào thi công trong công trình. Phối hợp cùng cán bộ giám sát của chủ đầu tư nghiệm thu vật liệu, nghiệm thu cơ sở, nghiệm thu hạng mục công trình, nghiệm thu hoàn thành, nghiệm thu bàn giao công trình, ghi và theo dõi nhật ký thi công công trình, lập hồ sơ hoàn công, chuẩn bị hồ sơ, các thủ tục có liên quan đến thi công, nghiệm thu công trình, giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm được giám đốc giao trên công trình.

+ Bộ phận hành chính – kế toán: Giúp giám đốc, chỉ huy trưởng công trình lập, theo dõi điều chỉnh tiến độ thi công tổng thể công trình, tiến độ thi công của từng bộ phận theo tuần, tháng, quý. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch, chất lượng của đơn vị; tính toán, cân đối, dự trù vật tư, vật liệu cần có để đảm bảo công tác thi công đạt tiến độ; kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm hợp lý hoá phân công lao động, trình tự thi công các hạng mục công trình; Theo dõi việc quản lý các chi tiêu trên công trình, dự trù kinh phí mua vật tư, vật liệu, nhiên liệu, chăm lo đời sống vật chất cho toàn bộ cán bộ, công nhân trên công trường.

+ Bộ phận cung cấp vật tư thiết bị: Giúp chỉ huy trưởng công trình và phối hợp với Bộ phận quản lý chất lượng kỹ thuật – tiến độ thi công, Bộ phận hành chính – kế toán điều hành cung cấp máy móc phục vụ thi công.

+ Bộ phận an toàn lao động – Vệ sinh môi trường và Phòng cháy chữa cháy có trách nhiệm:

- Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn lao động, Vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trên công trường.

- Quản lý theo dõi việc đăng ký, kiểm định các máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

- Tổ chức huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trên công trường cho người lao động, theo đúng quy định của Nhà nước.

* Sau khi dự án hoàn thành Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu trực tiếp quản lý và

sử dụng.

CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Dự án thực hiện tại phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu. Phường Đoàn Kết có vị trí địa lý như sau: Phía Bắc giáp xã Phong Thổ; phía Nam giáp phường Tân Phong, phía Đông giáp xã Sin Suối Hồ, phía Tây giáp xã Hồng Thu và xã Nậm Tăm.

2.1.1.2. Điều kiện địa hình, địa chất

1. Đặc điểm địa hình

Địa hình của khu vực thực hiện công trình có một phần tương đối bằng phẳng và phần lớn là đồi núi cao trung bình 800-1500m. Khu vực thực hiện Công trình đã được quy hoạch và tương đối bằng phẳng.

2. Đặc điểm địa chất

Công trình nằm trên nền đất thổ nên không phải gia cố nền móng.

(Nguồn: Thuyết minh báo cáo kinh tế kỹ thuật)

2.1.1.3. Điều kiện về khí tượng

Căn cứ vào điều kiện địa lý và sự tương đồng về khí hậu, trong báo cáo này sử dụng số liệu về khí tượng của trạm Tam Đường. Cụ thể như sau

- Nhiệt độ: Vị trí xây dựng thuộc vùng núi Tây Bắc có nhiệt độ trung bình năm trong 3 năm gần nhất từ khoảng 12,6 – 24,2 °C. Những tháng giữa mùa đông tương đối lạnh đặc biệt là vào tháng 12 đến tháng 1 năm sau. Tháng nóng nhất là tháng 5 – 7.

Bảng 2. 1. Đặc trưng nhiệt độ không khí trung bình tháng trong 03 năm tại trạm khí tượng Tam Đường (°C)

Năm	TB Năm	Tháng											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2023	19,5	13,6	15,5	18,7	21,3	22,8	23,2	23,0	23,1	22,3	20,2	16,9	13,9
2024	20,9	14,9	18,1	19,4	25,3	23,1	23,7	24,2	23,3	23,8	21,4	18,6	14,7
2025	20,1	13,1	15,8	18,3	21,2	23,1	23,7	24,3	23,6	23,5	21,6	17,1	15,3

Nguồn: Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Lai Châu

- Độ ẩm: Độ ẩm trung bình hàng trong 3 năm gần đây dao động từ 63-90%. Các tháng mùa mưa là thời kỳ ẩm ướt độ ẩm trung bình đạt 77-90%. Các tháng mùa đông, mùa xuân là thời kỳ khô độ ẩm trung bình tháng có thể xuống dưới 80%.

Bảng 2. 2. Độ ẩm không khí trung bình tháng trong 3 năm tại trạm khí tượng Tam Đường (%)

Năm	TB năm	Tháng											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2023	83	82	77	73	76	82	88	90	88	86	85	83	82
2024	82	86	72	76	63	84	88	88	89	86	84	80	85
2025	83,7	78	81,9	75,7	80,9	83,1	88,5	89,1	87,7	85,8	86,4	84,1	83,5

Nguồn: Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Lai Châu

- Mưa: Khu vực có lượng mưa tương đối lớn. Tổng lượng mưa năm trong 3 năm gần đây dao động từ 2.457 – 2.350,4 mm. Lượng mưa theo tháng có sự thay đổi theo năm và thường mưa nhiều vào tháng 6, 7, 8. Tháng 6/2023 có lượng mưa lớn nhất là 539mm, từ tháng 11 đến tháng 3 có lượng mưa thấp nhất.

Bảng 2. 3. Lượng mưa TB tháng trong 03 năm tại trạm khí tượng Tam Đường (mm)

Năm	Tổng	Tháng											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2023	2.483	32	37	81	187	342	478	539	341	192	135	73	36
2024	2.350,4	185	45	69	28	384	542	395	363	165	148	4,4	22
2025	3002,6	9,5	71	46,2	264,6	575,4	673,9	418,4	319,3	369,4	190,3	56,4	8,2

Nguồn: Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Lai Châu

2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội

a. Điều kiện kinh tế

* Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn được duy trì và phát triển ổn định, các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu được đảm bảo cung ứng, đáp ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân; công tác kiểm soát thị trường trước, trong và sau các dịp lễ, tết được tăng cường nhằm ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng đầu năm ước đạt 1.903,3 tỷ đồng, đạt 78,9% kế hoạch.

Hoạt động du lịch được quan tâm chỉ đạo thực hiện, tích cực tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, truyền thống văn hóa dân tộc, sản phẩm du lịch của phường trên thông tin đại chúng, triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động Văn hóa, Thể thao và Lễ hội trên địa bàn phường thu hút đông đảo Nhân dân và du khách đến tham gia, trải nghiệm.

* Phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn được duy trì phát triển. Sản phẩm chủ yếu tập trung vào các ngành, lĩnh vực như: Khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, gia công cơ khí, chế biến chè khô, thực phẩm, ... Tổng giá

trị hàng hoá tham gia xuất khẩu (*chè khô*) 9 tháng đầu năm ước đạt 0,97 triệu USD, đạt 56,7% kế hoạch.

*** Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản**

Chỉ đạo các cơ quan đơn vị tập trung hướng dẫn Nhân dân thu hoạch 478,78 ha lúa mùa, sản lượng ước đạt 2.349,9 tấn; Ngô Xuân hè diện tích 873,6 ha, sản lượng đạt 4.070,1 tấn. Hướng dẫn Nhân dân gieo trồng, chăm sóc 296,1 ha ngô Thu đông; chăm sóc, thâm canh 790,73 ha diện tích chè, sản lượng chè búp tươi đạt 5.620 tấn; chăm sóc và thu hoạch các loại cây trồng đảm bảo theo đúng khung thời vụ². Công tác điều tra, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng được quan tâm thực hiện, kịp thời có các biện pháp phòng trừ dịch hại, không để lây lan trên diện rộng.

Công tác phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện³. Tổng đàn gia súc đến thời điểm báo cáo 8.242 con (*trâu, bò, lợn*), đạt 91% kế hoạch. Tiếp tục duy trì 9,1 ha ao, hồ nuôi trồng các loại cá phổ biến.

Công tác tuyên truyền cho Nhân dân trong việc bảo vệ rừng, công tác phòng chống cháy rừng được tích cực chỉ đạo và thực hiện hiệu quả; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng thực hiện đảm bảo theo quy định⁴. Trong 9 tháng đầu năm đã xảy ra 07 vụ cháy thảm cỏ thực vật, Ban Chỉ huy phòng cháy chữa cháy phường đã huy động lực lượng cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang và Nhân dân trong khu vực tham gia chữa cháy, kịp thời không để đám cháy lan sang diện tích rừng. Duy trì và bảo vệ tốt diện tích 6.121,03 ha rừng hiện có và chăm sóc tốt 10ha rừng trồng mới, tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,57%.

Tăng cường công tác phòng chống thiên tai trong mùa mưa lũ, chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát nạo vét, khơi thông kênh mương thủy lợi đảm bảo tiêu thoát nước trong mùa mưa, đồng thời chủ động ứng phó với các tình huống do thiên tai gây ra.

*** Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; bồi thường, hỗ trợ, TĐC**

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường; bồi thường, hỗ trợ tái định cư được quan tâm chỉ đạo thực hiện, hoàn thành thống kê đất đai năm 2025 phường Đoàn Kết; công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; công tác giao đất được triển khai đúng trình tự, thủ tục pháp luật, phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; công tác giải quyết thủ tục hành chính, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tiếp tục được quan tâm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường; thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra việc chấp hành các quy định về đất đai, bảo vệ môi trường, kịp thời phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

b. Văn hóa – xã hội

*** Giáo dục đào tạo:**

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và triển khai hiệu

quả, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về giáo dục; các cơ sở giáo dục duy trì nền nếp dạy và học, thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch năm học. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên; công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội được tăng cường; các phong trào thi đua “Dạy tốt

- Học tốt”, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống tiếp tục được duy trì hiệu quả. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; Giữ vững và nâng cao phurong đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; tỷ lệ học sinh học mẫu giáo đến trường đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ học sinh học trong độ tuổi tiểu học đến trường 100/99,9% đạt 100,1%; Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THCS đến trường: 99,3/99,3%, đạt 100%; Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THPT đến trường đạt 80,99/80% đạt 101,2%.

*** Y tế, dân số**

Công tác quản lý nhà nước về y tế được tăng cường; công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, khám, chữa bệnh, tiêm chủng và chăm sóc sức khỏe ban đầu được triển khai hiệu quả. Việc khám sức khỏe, khám sàng lọc miễn phí toàn dân trên địa bàn phường được tập trung chỉ đạo, kết quả đạt 99,51% đến thời điểm báo cáo. Việc khám sức khỏe định kỳ, kê đơn, tiêm chủng được thực hiện đảm bảo theo kế hoạch. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được quan tâm thực hiện. Rà soát, cấp và điều chỉnh thẻ bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng theo quy định; Công tác bảo trợ xã hội và trẻ em được triển khai đồng bộ; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng. Thực hiện kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; trong 9 tháng đầu năm, trên địa bàn không xảy ra ngộ độc thực phẩm

*** An sinh xã hội; lao động, việc làm, giảm nghèo**

Tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến chế độ, chính sách cho người có công, thân nhân người có công, cựu chiến binh, người hoạt động kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế và các đối tượng chính sách khác. Làm tốt công tác quản lý, theo dõi và chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công, bảo trợ xã hội; phối hợp chi trả trợ cấp hằng tháng, giải quyết trợ cấp một lần, mai táng phí và các chế độ liên quan theo quy định.

Các hoạt động “Uống nước nhớ nguồn”, chăm lo cho gia đình chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm thực hiện. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức tiếp nhận, trao tặng quà cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội, hộ nghèo và hộ khó khăn; tổ chức thăm hỏi, động viên các cơ quan, đơn vị trên địa bàn làm nhiệm vụ phục vụ Tết nguyên đán Bính Ngọ.

*** Dân tộc, tôn giáo:**

Chỉ đạo triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo đảm bảo đúng quy định; quan tâm tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân và các tổ chức tôn giáo. Thường xuyên nắm tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tạo điều kiện để các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra đúng quy định.

Rà soát, xác định các tổ dân phố, bản sau sáp nhập theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP; kết quả 10/22 tổ dân phố, bản được UBND tỉnh công nhận thuộc diện đặc biệt khó khăn.

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2026).

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

Khi dự án được thực hiện có thể gây ô nhiễm môi trường từ các nguồn thải khác nhau. Do đó để làm cơ sở cho việc so sánh với diễn biến chất lượng môi trường sau này khi dự án đi vào hoạt động, việc đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực thực hiện dự án là cần thiết.

Để đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án Chủ đầu tư đã phối hợp với đơn vị tư vấn và Công ty TNHH tư vấn và công nghệ Môi trường Xanh là đơn vị có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp tại Quyết định số 55/GCN-BTNMT ngày 22/12/2023, mã số chứng nhận VIMCERTS 276 để thực hiện khảo sát lấy mẫu và phân tích đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực Dự án.

Các điểm lấy mẫu dựa trên nguyên tắc là điểm đặc trưng cho khu vực sẽ chịu tác động về mặt môi trường của các nguồn thải do hoạt động xây dựng và vận hành Dự án gây ra.

(Nội dung đang được cập nhật)

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Hiện tại, tại địa bàn phường Đoàn Kết chưa được điều tra, đánh giá một cách chi tiết và khoa học về đa dạng sinh học do đó chưa có các dữ liệu về tài nguyên sinh vật chưa được công bố và tham khảo. Các đánh giá về đa dạng sinh học trong báo cáo này dựa trên việc khảo sát thực địa tại dự án và khu vực xung quanh.

a. Hệ thực vật

Tuy không có độ đa dạng loài nguyên sinh quá cao như các khu bảo tồn, rừng phòng hộ tại khu vực này sở hữu một số loài cây gỗ bản địa, cây lá rộng mọc tự nhiên và thảm thực vật phục hồi. Đặc biệt, thảm thực vật rừng ở đây còn lưu giữ nhiều loài thảo dược, cây làm men lá rừng được người dân tộc Mông dùng để làm men rượu ngô truyền thống.

b. Hệ động vật

- Hệ động vật trên cạn: Do nằm sát khu vực phát triển kinh tế và các tuyến đường vành đai sinh hoạt của người dân, **động vật hoang dã quý hiếm hầu như không có**. Động vật tại đây chủ yếu là các loài bò sát nhỏ, côn trùng, động vật gặm nhấm và một số loài chim bụi phổ biến của vùng Tây Bắc

- Hệ động vật dưới nước:

+ Cá: Thành phần loài tương đối nghèo về số lượng. Chủ yếu là các loài cá kích thước nhỏ. Các loài điển hình như: cá bống suối, cá chạch suối, cá hoa...

+ Động vật đáy: là các nhóm giáp xác, thân mềm sống ở đáy các thủy vực gồm các loài tôm, tép, cua, ốc... Các loài giáp xác này có mặt trong lòng suối, các loài cua có thể đào hang hoặc dưới các tảng đá ở ven suối và lòng suối.

Như vậy, hệ động thực vật xung quanh khu vực dự án không đa dạng về mặt sinh học và thành phần loài; không có các loài quý hiếm, đặc hữu nằm trong Sách Đỏ cần được ưu tiên bảo vệ.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Đối tượng bị tác động bởi dự án trong các giai đoạn bao gồm môi trường đất, nước, không khí, các tuyến đường vận chuyển, môi trường xã hội. Cụ thể được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2.10. Đối tượng chịu tác động của dự án

STT	Đối tượng bị tác động	Không gian chịu sự tác động	Thời gian chịu sự tác động
I	Giai đoạn thi công		
1	Diện tích sử dụng đất	69,46 ha, trong đó đất hiện trạng là 12,3 ha; đất mở rộng là 57,16 ha	Chiếm dụng vĩnh viễn (cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất)
2	Các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu	Các tuyến đường phục vụ dự án, nơi mà các phương tiện vận chuyển đất đá thải và nguyên vật liệu, máy móc thiết bị đi qua	Trong suốt thời gian thi công
3	Môi trường không khí	Chủ yếu là khoảng không gian dọc theo các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đồ thải	Trong suốt thời gian các phương tiện tham gia xây dựng dự án
4	Môi trường nước	Hệ thống thoát nước của khu vực	Trong suốt thời gian thi công

STT	Đối tượng bị tác động	Không gian chịu sự tác động	Thời gian chịu sự tác động
5	Đa dạng sinh học	Khu vực rừng bị thu hồi	Vĩnh viễn
II	Giai đoạn vận hành		
1	Môi trường nước	Hệ thống thoát nước của khu vực	Trong suốt quá trình hoạt động của dự án
2	Môi trường không khí	Không khí khu vực tuyến đường	Trong suốt quá trình hoạt động của dự án

* Nhận dạng các yếu tố nhạy cảm:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP thì dự án chiếm dụng 8,12 ha đất rừng phòng hộ.

- Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nằm trong nội thành, nội thị của đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; Dự án không có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Dự án không sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá văn hóa;

- Dự án không yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

Thao trường huấn luyện là cơ sở vật chất quan trọng, phục vụ trực tiếp công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng, nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của lực lượng vũ trang địa phương. Trong những năm qua, công tác huấn luyện ngày càng được yêu cầu cao hơn về nội dung, chương trình, quy mô và chất lượng; do đó, yêu cầu về cơ sở vật chất, diện tích và không gian tổ chức huấn luyện cũng ngày càng lớn.

Hiện trạng thao trường hiện có còn hạn chế về diện tích, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tổ chức đồng bộ các nội dung huấn luyện theo chương trình; một số khu vực chưa bảo đảm điều kiện để bố trí các hạng mục, bài tập và tổ chức huấn luyện cho lực

lượng với quy mô phù hợp. Việc sử dụng thao trường trong điều kiện diện tích hạn chế cũng gây khó khăn trong tổ chức huấn luyện, bố trí lực lượng, phương tiện, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Việc đầu tư **mở rộng thao trường huấn luyện** là cần thiết nhằm tạo quỹ đất và không gian đủ lớn để tổ chức các nội dung huấn luyện theo yêu cầu; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quân sự, quốc phòng tại địa phương. Công trình sau khi hoàn thành sẽ góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện, rèn luyện thể lực, kỹ năng và khả năng phối hợp, xử lý tình huống của cán bộ, chiến sĩ; đồng thời bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ đột xuất khi có yêu cầu.

Vì vậy để đảm bảo điều kiện để đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất tốt nhất cho cán bộ, chiến sĩ có điều kiện cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng thì việc đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng Thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Lai Châu là cần thiết và cấp bách.

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.1.1.1. Các tác động môi trường liên quan đến chất thải

1. Tác động do nước thải

Trong quá trình thi công xây dựng Dự án, các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường, chủ yếu chứa cặn bã, các chất hữu cơ bị phân hủy, các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Nước thải thi công phát sinh từ quá trình thi công có độ đục cao do chứa nhiều bụi bặm.

- Nước mưa chảy tràn kéo theo cặn bẩn vào nguồn tiếp nhận. Thành phần nước mưa chảy tràn chủ yếu là TSS và dầu mỡ.

a. Nước thải sinh hoạt

Quá trình thi công dự án với việc bố trí lán trại phục vụ thi công, mỗi lán trại đáp ứng cho nhu cầu về chỗ ở cho 20 công nhân. Với định mức cấp nước sinh hoạt trung bình 90 lít/người/ngày (TCVN 13606:2023 – Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế) thì lượng nước cho công nhân sử dụng lớn nhất là 3.600 lít/ngày.

Theo Mục a, Khoản 1, Điều 39 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải thì lượng nước thải ước tính bằng 100% lượng nước cấp, như vậy lượng nước thải lớn nhất là khoảng 1,8m³/ngày đêm.

Theo tài liệu của Tổ chức Y tế thế giới WHO, tải lượng các chất ô nhiễm do mỗi người hàng ngày thải vào môi trường nếu không được xử lý như sau:

Bảng 3.1. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị
BOD ₅	g/người/ngày	45 – 54
COD	g/người/ngày	72 – 102
Chất rắn lơ lửng (SS)	g/người/ngày	70 – 145
Tổng Nitơ (theo N)	g/người/ngày	6 – 12
Dầu mỡ	g/người/ngày	10 – 30
Tổng coliform	MPN/100ml	10 ⁶ – 10 ¹⁰

(Nguồn: Rapid Environmental Assessment, WHO, 1993)

Tải lượng tối đa các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công được tính toán như trong bảng sau:

Bảng 3.2. Tải lượng tối đa các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công

Loại chất bẩn	Tải lượng tính toán cho 40 người (gam/ngày)		Nồng độ (mg/lít)		QCVN 14:2025/ BTNMT (Bảng 2 – cột C)
	Min	Max	Min	Max	
BOD ₅	1.800	2.160	375	450	≤40
COD	2.880	4.080	600	850	≤70
SS	2.800	5.800	583,33	1.208,33	≤100
Tổng Nitơ	240	480	50	100	≤35
Tổng coliform	96	192	20	40	5.000
Dầu mỡ	400	1.200	83,33	250	≤20

Ghi chú: (-): Không xác định

QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung

* Nhận xét:

Qua các kết quả tính toán cho thấy nồng độ của hầu hết các chất có mặt trong nguồn nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý cao hơn gấp nhiều lần so với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt QCVN 14:2025/BTNMT.

Đặc trưng của nước thải sinh hoạt là chứa một lượng lớn các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD₅) và các vi khuẩn Coli. Nếu như lượng nước thải này không được thu gom, xử lý mà thải trực tiếp ra ngoài môi trường thì sẽ gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến hệ sinh thái của thủy vực tiếp nhận.

Thông thường chất gây ô nhiễm sẽ hoà tan vào các nguồn nước mặt hiện trạng và mức độ ô nhiễm sẽ giảm dần do khả năng tự làm sạch của nguồn tiếp nhận.

Chính vì vậy, để đảm bảo chất lượng nguồn nước khu vực dự án và khu vực xung quanh cần thiết phải có thiết bị để xử lý, thu gom nước thải trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận. Theo yêu cầu của Chủ đầu tư, toàn bộ nước thải phát sinh của công nhân cần phải được thu gom xử lý trước khi thải ra môi trường nên tác động sẽ còn ở mức độ nhỏ.

- Vị trí phát thải: khu vực nhà ở của công nhân.
- Thời gian phát thải: không liên tục trong giai đoạn thi công dự án.

b. Nước thải thi công

Nước thải trong quá trình thi công chủ yếu là nước thải từ quá trình xây dựng các hạng mục công trình.

Hiện nay, từ quá trình nhập vật liệu đầu vào đều lựa chọn các vật liệu sạch, do đó không phát sinh nước thải từ quá trình rửa cốt liệu.

Trong quá trình xây dựng các công trình cơ bản có sử dụng nước, tuy nhiên, phần lớn lượng nước đều được sử dụng vừa đủ và đi vào công trình do đó lượng nước thải phát sinh là không đáng kể. Ước tính chỉ 0,1m³/ngày.

Theo số liệu khảo sát, nghiên cứu của Trung tâm Kỹ thuật Môi trường Đô thị và Khu Công nghiệp - CEETIA thì hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải thi công như sau:

Bảng 3.6. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hàm lượng (mg/l)	QCVN 40:2025/ BTNMT
1	pH	-	6,99	6-9
2	TSS	mg/l	663,0	≤120
3	COD	mg/l	640,9	≤130
4	BOD ₅	mg/l	429,26	≤80
5	NH ₄ ⁺	mg/l	9,6	≤12
6	Tổng N	mg/l	49,27	≤60
8	Fe	mg/l	0,72	≤10
9	Zn	mg/l	0,004	≤5
10	Pb	mg/l	0,055	≤0,5
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3	≤5
12	Coliform	MPN/100 ml	5,3 x 10 ⁵	≤5.000

(Nguồn: Trung tâm kỹ thuật Môi trường Đô thị và Khu công nghiệp – CEETIA)

Ghi chú: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật nước quốc gia về nước thải công nghiệp.

Theo đó, phần lớn hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải thi công vượt quy chuẩn cho phép theo QCVN 40:2025/BTNMT hàm lượng chất rắn lơ lửng vượt giới hạn cho phép 5,52 lần; hàm lượng COD vượt giới hạn cho phép 4,93 lần; hàm lượng BOD₅ vượt giới hạn cho phép 5,36 lần và chỉ tiêu coliform vượt giới hạn cho phép 106 lần.

Lượng nước thải này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến nguồn nước mặt lân cận khu vực dự án nếu không có biện pháp thu gom xử lý.

Các tác động xấu tới môi trường nước trong giai đoạn này ở mức trung bình, quy mô tác động nhỏ, diễn ra trong thời gian thi công xây dựng dự án.

c. Nước mưa chảy tràn

* Chất thải cuốn theo nước mưa

Nước cuốn trôi bề mặt là một trong những nguồn gây ô nhiễm môi trường trong

quá trình thi công xây dựng. Đối với một công trường thi công, lượng đất, cát, chất cặn bã, cặn dầu mỡ... là đáng kể. Nồng độ cũng như dạng ô nhiễm phụ thuộc tính chất bề mặt phủ.

*** Đánh giá tác động:**

- Khi dự án được đầu tư xây dựng nước mưa chảy tràn trên bề mặt bị cày xới, có kết cấu chưa ổn định kéo theo hàm lượng các chất rắn lơ lửng gồm đất, cát, dầu mỡ vào hệ thống rãnh thoát nước của khu vực sẽ làm tăng tải lượng chất ô nhiễm nguồn, có thể làm tắc nghẽn dòng chảy, gây ngập úng cục bộ các khu vực xung quanh. Do vậy, hoạt động dẫn dòng thoát nước cho dự án và đầu nối thoát nước trong giai đoạn thi công xây dựng cần được chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công thực hiện nghiêm túc đảm bảo thoát nước triệt để cho toàn khu.

2. Tác động do bụi, khí thải

Bụi và khí thải là loại hình gây ô nhiễm lớn và dễ nhận biết trong quá trình thi công. Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình này chủ yếu từ các hoạt động:

- Bụi do hoạt động thi công các hạng mục;
- Bụi, khí thải do quá trình bốc dỡ, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng;
- Bụi, khí thải do hoạt động của máy móc, thiết bị;

Tải lượng bụi phát sinh phụ thuộc vào việc tổ chức thi công, phương án, kế hoạch bốc xúc, vận chuyển và tập kết các nguyên vật liệu xây dựng cũng như ý thức bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định thi công của từng công nhân thi công.

Đối tượng chịu tác động: Khu dân cư nơi dự án đi qua và công nhân thực hiện thi công.

➤ Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển và bốc dỡ nguyên vật liệu

*** Bụi từ quá trình vận chuyển**

- Dự báo quy mô tác động do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu khi chưa có biện pháp giảm thiểu:

+ Quy mô không gian chịu tác động: Không khí trong khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh, khu vực lân cận dọc theo tuyến vận chuyển.

+ Mức độ tác động: trung bình, diễn ra liên tục trong quá trình thi công dự án.

+ Đối tượng chịu tác động: khu dân cư và các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường vận chuyển

- Việc vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng rất lớn đến khu dân cư thuộc phường Đoàn Kết.

- Đánh giá khả năng phục hồi: Có khả năng phục hồi về điều kiện ban đầu khi kết thúc quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và khi các biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường không khí được chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện.

*** Bụi từ bốc dỡ nguyên vật liệu.**

Nguồn gây phát sinh bụi do hoạt động bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu tại công trường xây dựng sẽ gây phát tán bụi ra môi trường xung quanh. Bụi chủ yếu phát tán ra từ các nguồn vật liệu như cát, đá, xi măng.

- Dự báo quy mô tác động do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu khi chưa có

biện pháp giảm thiểu:

+ Quy mô không gian chịu tác động: Không khí trong khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh, đặc biệt là khu vực kho chứa nguyên vật liệu.

+ Mức độ tác động: trung bình, diễn ra gián đoạn.

+ Đối tượng chịu tác động: Công nhân trực tiếp bốc dỡ nguyên vật liệu.

- Đánh giá khả năng phục hồi: Có khả năng phục hồi về điều kiện ban đầu khi kết thúc quá trình bốc dỡ.

➤ *Bụi, khí thải từ hoạt động của các máy móc, thiết bị*

- Khu vực chịu tác động là khu vực thi công và khu vực lân cận

- Thời gian chịu tác động: Trong suốt thời gian thi công dự án.

- Đối tượng chịu tác động: Công nhân thi công và khu dân cư

+ Đối với công nhân thì việc chịu tác động do khí thải trong quá trình thi công là không thể tránh khỏi và ngoài các biện pháp mang tính kỹ thuật thì có thể áp dụng biện pháp về bảo hộ lao động để giảm nhẹ tác động.

+ Đối với khu dân cư: tác động do khí thải từ máy móc thiết bị được đánh giá là không đáng kể do việc phát tán khí thải của máy móc không lớn và theo tính toán ở trên thì nồng độ khí thải cũng đều nằm dưới QCVN 05:2023/BTNMT. Tuy nhiên trong quá trình thi công cũng vẫn cần áp dụng các biện pháp để giảm thiểu các tác động do khí thải của các thiết bị thi công gây ra để giảm các tác động cộng hưởng.

3. Tác động do chất thải rắn sinh hoạt

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, chuyên đề Quản lý chất thải rắn sinh hoạt – Nhà xuất bản dân trí 2020 khối lượng phát sinh, chỉ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt bình quân trên đầu người của các địa phương (2010 - 2019), chỉ số chất thải rắn phát sinh tại Lai Châu trong năm 2018, 2019 được xác định là 0,42 – 0,61 kg/người/ngày, lấy mức trung bình là 0,52 kg/người/ngày thì lượng chất thải rắn phát sinh do sinh hoạt với 20 công nhân là 10,4 kg/ngày

Tỉ lệ phần trăm các thành phần các chất trong rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng được trình bày trong Bảng dưới đây:

Bảng 3.16. Tỷ lệ các thành phần trong rác thải sinh hoạt

TT	Thành phần chất thải	Tỷ lệ về khối lượng (%)
1	Chất hữu cơ	50,2 - 68,9%
2	Nhựa và ni lông	3,4 - 10,6%
3	Giấy và bìa các tông	3,3 - 6,6%
4	Kim loại	1,4 - 4,9%
5	Thủy tinh	0,5 - 2,0%
6	Chất trơ	14,9 - 28,2%
7	Cao su và da	0,0 - 5,0%

TT	Thành phần chất thải	Tỷ lệ về khối lượng (%)
8	Xác động thực vật	1,5 - 2
9	Chất thải nguy hại	0,0 - 1,0%

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, chuyên đề Quản lý chất thải rắn sinh hoạt – Nhà xuất bản dân trí 2020)

Như vậy, thành phần chủ yếu bao gồm các chất thải hữu cơ dễ phân hủy và gây ra mùi hôi thối, khó chịu cho công nhân và gây ô nhiễm đất, nguồn nước và mất mỹ quan có thể phát sinh dịch bệnh và ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

- Thời gian tác động: ngắn hạn (trong giai đoạn xây dựng).
- Không gian tác động: Chủ yếu tại khu vực lán trại công nhân.
- Mức độ tác động: tương đối, có thể khắc phục được.

4. Tác động do chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường gồm:

- Chất thải trong quá trình thi công (bao bì, xi măng, cát, vữa rơi vãi...);
- Đất đá thừa từ quá trình thi công nền, móng.

➤ Chất thải rắn trong xây dựng các hạng mục:

Các loại vật liệu của dự án bị hao hụt trong xây dựng thi công gồm các loại vật liệu không còn khả năng sử dụng cho công trình được nữa như: bột đá, đá, cát, dây thép, gạch, nhựa bitum, thép các loại, xi măng.

Chất thải rắn xây dựng không bị thối rữa, không phát sinh mùi hôi và chúng lại có giá trị tái sử dụng, điều này sẽ hạn chế tới mức thấp nhất ảnh hưởng xấu đến môi trường khu vực. Lượng chất thải rắn xây dựng như vừa tính toán ở trên chỉ mang tính chất tương đối, nó còn phụ thuộc vào trình độ tay nghề của công nhân cũng như khả năng tận dụng các vật liệu thừa trong quá trình thi công.

Tuy nhiên, lượng chất thải rắn là vật liệu xây dựng nếu không có kế hoạch quản lý tốt, để vương vãi sẽ gây ra một số tác động xấu như:

- Làm hao hụt vật liệu xây dựng; làm tích đọng đất cát, thu hẹp dòng chảy qua đó làm hạn chế khả năng tiêu thoát nước. Bên cạnh đó khi bị nước cuốn trôi chúng sẽ ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường nước tiếp nhận (gia tăng độ đục, bồi lắng,...).
- Mất mỹ quan chung và ô nhiễm môi trường; tăng chi phí việc thu dọn sau khi hoàn thiện.
- Chiếm chỗ trên công trường làm cản trở giao thông, cản trở hoạt động thi công Dự án, là nguồn phát sinh bụi, ảnh hưởng tới môi trường không khí khu vực Dự án và khu vực lân cận.

5. Tác động do chất thải nguy hại

- Tại khu vực Dự án, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị thi công khi gặp sự cố hỏng hóc, giặt lau các thiết bị. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh không thường xuyên. Việc thay dầu nhớt không được thực hiện tại công trường do vậy không phát sinh chất thải này.

Các loại chất thải nhiễm dầu mỡ, dầu mỡ thải có nguy cơ gây ô nhiễm cao, nếu không được thu gom loại chất thải này sẽ làm ô nhiễm đất, và cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận. Đặc biệt là khả năng rơi vãi, rò rỉ dầu nhớt từ các phương tiện thi công xuống mặt nước là điều rất dễ xảy ra và các tác động đến môi trường cũng sẽ phát sinh xuất phát từ sự ô nhiễm nguồn nước bởi màng dầu và các sản phẩm phân giải của chúng.

Sự ô nhiễm dầu, các sản phẩm dầu phân giải làm giảm khả năng tự làm sạch của nguồn nước, do các sinh vật phiêu sinh, sinh vật đáy tham gia quá trình đó bị chết đi hoặc giảm về số lượng hoặc tham gia yếu ớt.

Khi dầu rơi vãi vào nguồn nước, lượng dự trữ ôxy hoà tan trong nước nguồn sẽ giảm do ôxy được tiêu thụ cho quá trình oxy hoá các sản phẩm dầu, làm cản trở quá trình làm thoáng mặt nước.

Trong trường hợp dầu mỡ thải không được thu gom và xử lý tuân thủ quy định thì các tác động đến các thành phần môi trường xung quanh là rất lớn, đặc biệt là đối với môi trường đất.

3.1.1.2. Các tác động môi trường không liên quan đến chất thải

1. Tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án và các phương tiện thi công như: máy trộn bê tông, máy trộn vữa, máy đào, máy đầm, lu rung...

➤ Hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (máy khoan, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải...), tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các thiết bị này có thể lên trên 100 dBA và giảm dần theo khoảng cách.

Trong giai đoạn này, các hoạt động gây tiếng ồn là đào, xúc, phá đá, vận chuyển đất, đá đắp đường, và giao thông.

Mức suy giảm tiếng ồn từ các máy móc thiết bị theo khoảng cách được tính gần đúng bằng công thức:

$$L_i = L_p - \Delta L_d - \Delta L_c \text{ , dBA}$$

Trong đó :

L_i - Mức ồn tại điểm tính toán cách nguồn gây ồn khoảng cách r_2 , dBA;

L_p - Mức ồn tại nguồn gây ồn cách nguồn gây ồn khoảng cách r_1 , dBA;

ΔL_d - Mức ồn giảm theo khoảng cách r_2 ở tần số i .

$$\Delta L_d = 20 \lg [(r_2/r_1)^{1+a}], \text{ dBA}$$

r_1 - Khoảng cách tới nguồn gây ồn ứng với L_p , m;

r_2 - Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn theo khoảng cách ứng với L_i , m;

a - Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình ($a=0,1$ - mặt đất trống cỏ; $= 0$ - mặt đất trống; $= -0,1$ - mặt đường nhựa và bê tông);

ΔL_c - Độ giảm mức ồn qua vật cản. Tại khu vực dự án $\Delta L_c=0$.

Kết quả tính mức suy giảm ồn theo khoảng cách của các thiết bị sử dụng trong thi công được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 3.23. Mức suy giảm ồn do các thiết bị sử dụng trong quá trình thi công

TT	Thiết bị		Mức ồn (dBA), cách nguồn phát sinh 1 m			Mức ồn cách nguồn		
			Tài liệu 1	Tài liệu 2	TB	20 m	40 m	60 m
1	Máy ủi		93,0		93,0	66,9	60,9	57,4
2	Máy xúc			72,0 - 84,0	78,0	51,9	45,9	42,4
3	Máy lu			73 - 75	74	47,9	41,9	38,4
4	Xe tải	Đường ngoài công trường		82,0 - 94,0	88,0	62,9	56,7	53,9
		Đường trong công trường				61,9	55,9	52,4
5	Máy phát điện			72,0 - 82,5	77,2	51,2	45,1	41,6
6	Máy nén khí		80,0	75,0 - 87,0	81,0	54,9	48,9	45,4
7	Búa và máy khoan đá			81,0 - 98,0	89,5	63,5	57,4	53,9
8	Cần trục			76 - 87	81,5	55,4	49,4	45,9
9	Máy trộn bê tông			75 - 88	81,5	55,4	49,4	45,9
10	Máy đầm bê tông			70-90	80	53,9	47,9	44,4
11	Bơm bê tông			80 - 83	81,5	55,4	49,4	45,9
12	Máy đầm			72 - 74	73	46,9	40,9	37,4
	QCVN 26:2025/BNMT (độ ồn khu vực thông thường)					70		
	QCVN 24:2016/BYT (độ ồn khu vực làm việc)					85		

Nguồn: Tài liệu 1- Nguyễn Đình Tuấn và cộng sự; Tài liệu 2 - Mackernize, L.da, 1985

* Tiếng ồn phát sinh trong quá trình thi công sẽ tác động đến các đối tượng bao gồm: công nhân lao động trực tiếp trên công trường.

Theo thống kê của Bộ Y tế và Viện nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động của Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam thì tiếng ồn gây ảnh hưởng xấu tới hầu hết các bộ phận trong cơ thể con người. Tác động của tiếng ồn đối với cơ thể con người ở các dải tần khác nhau được thể hiện cụ thể qua bảng sau.

Bảng 3.24. Các tác hại của tiếng ồn có mức ồn cao đối với sức khỏe con người.

Mức ồn (dBA)	Tác động đến người nghe
0	Ngưỡng nghe thấy
100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
110	Kích thích mạnh màng nhĩ
120	Ngưỡng chói tai

Mức ồn (dBA)	Tác động đến người nghe
130 ÷ 135	Gây bệnh thần kinh, nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
140	Đau chói tai, gây bệnh mắt trí, điên
145	Giới hạn cực đại mà con người có thể chịu được tiếng ồn
150	Nếu nghe lâu sẽ bị thủng màng nhĩ
160	Nếu nghe lâu sẽ nguy hiểm
190	Chỉ cần nghe trong thời gian ngắn đã bị nguy hiểm

(Nguồn: Ô nhiễm tiếng ồn và kỹ thuật xử lý- Phạm Đức Nguyên, 2000)

2. Độ rung

Trong quá trình thi công, rung động phát sinh do các thiết bị nêu trên. Mức rung gây ra do từng thiết bị phá dỡ được tính theo công thức sau:

$$VL = VL_0 - \Delta L_d - 8,7a (r - r_0) \text{ (dB)}$$

Trong đó:

VL: Là độ rung tính theo dB ở khoảng cách “r” mét đến nguồn;

VL₀: Là độ rung tính theo dB đo ở khoảng cách “r₀” mét từ nguồn. Độ rung ở khoảng cách r₀ = 10 m thường được thừa nhận là rung nguồn;

ΔL_d: Biên độ rung

$$\Delta L_d = 20 \log (r/r_0)^{0,5}$$

a: Là hệ số giảm nội tại của rung đối với nền sét khoảng 0,03.

Mức rung nguồn và kết quả tính toán dự báo mức rung động tổng hợp do các thiết bị gây ra theo khoảng cách được thể hiện ở 2 bảng dưới đây:

Bảng 3.25. Rung động do thiết bị sử dụng

TT	Thiết bị	Mức rung tham khảo (theo hướng thẳng đứng, cách nguồn 10m)
1	Máy ủi	71
2	Máy xúc	70
3	Máy lu	88
4	Xe tải	72
5	Máy nén khí	73
6	Búa máy	98
7	Cần trục	72
8	Máy đầm	76

Nguồn: USEPA, 1971

Bảng 3.26. Kết quả dự báo mức rung động do các thiết bị trong GĐTC

TT	Loại phương tiện, thiết bị sử dụng	Mức rung ở khoảng cách (dB)			
		18 m	22 m	70 m	140m
1	Máy ủi	66,36	64,44	46,89	25,61
2	Máy xúc	65,36	63,44	45,89	24,61

TT	Loại phương tiện, thiết bị sử dụng	Mức rung ở khoảng cách (dB)			
		18 m	22 m	70 m	140m
3	Máy lu	83,36	81,44	63,89	42,61
4	Xe tải	67,36	65,44	47,89	26,61
5	Máy nén khí	68,36	66,44	48,89	27,61
5	Búa máy	93,36	91,44	73,89	52,61
7	Cần trục	67,36	65,44	47,89	26,61
8	Máy đầm	71,36	69,44	51,89	30,61
	QCVN 27:2025/BNNMT	75Db (từ 6h-21h)			

So sánh kết quả dự báo với GHCP theo QCVN 26:2025/BNNMT thấy rằng, mức rung lớn nhất phát sinh từ búa rung khi thi công cọc đóng.

Những ảnh hưởng do độ rung phát sinh từ các hoạt động trong quá trình xây dựng các dự án gây ra đối với sức khỏe con người thường bị bỏ qua và coi nhẹ. Trên thực tế, độ rung với mức gia tốc cao có thể gây chấn động đến các công trình liên kề hoặc những công nhân tiếp xúc với các thiết bị có độ rung lớn (các thiết bị hạng nặng như máy ủi, máy đầm,...) trong thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến tim mạch và hệ thống thần kinh.

3. Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác

a.. Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác

- Khu vực thực hiện dự án có tổng diện tích là 69,46 ha, trong đó: đất hiện trạng là 12,3 ha và đất mở rộng là 57,16 ha. Việc chiếm dụng rừng tự nhiên sẽ ảnh hưởng đến đa dạng sinh học tại khu vực.

- Tác động tới hệ thực vật rừng: Như đã nêu tại mục 2.2.2. *Hiện trạng đa dạng sinh học* thì các loài thực vật tại khu vực không nằm trong danh mục sách đỏ Việt Nam và quý hiếm cần bảo vệ, tuy nhiên việc chiếm dụng đất để thực hiện dự án sẽ làm mất lớp phủ thực vật.

Việc thu hồi đất rừng cũng khiến tỷ lệ che phủ rừng của phường suy giảm. Tuy tỷ lệ che phủ rừng bị giảm không nhiều nhưng cũng ảnh hưởng đến chính sách của nước ta hiện nay là càng ngày càng tăng tỷ lệ che phủ rừng. Và tác động này là vĩnh viễn và không có khả năng phục hồi tại vị trí thực hiện dự án.

- Tác động tới hệ động vật rừng: Như đã đánh giá tại Mục 2.2.2. *Hiện trạng đa dạng sinh học* hệ động vật ở đây chủ yếu là các loài chim, bò sát, côn trùng động vật gặm nhấm...thì không có loài động vật nào cần được ưu tiên bảo vệ. Khi giải phóng mặt bằng và quá trình thi công sẽ gây nhiễu loạn hoạt động của các loài này. Tuy nhiên xung quanh khu vực thực hiện dự án không bị tác động nên chúng vẫn có khả năng di chuyển sang khu vực lân cận để sinh sống nên tác động đến các loài động vật này được đánh giá là nhỏ.

Khu vực thực hiện dự án không có cá loài động, thực vật hoang dã quý hiếm nên không có tác động đến đối tượng này.

- Các loại cây trồng sẽ buộc phải chặt hạ để phục vụ dự án đồng thời cũng làm mất đi hoặc dịch chuyển nơi ở các loài động vật như rắn, chuột, ếch nhái, các loài chim...

Như vậy đồng nghĩa với việc khu vực rừng lân cận sẽ tiếp nhận các loài này, làm phong phú và đa dạng về thành phần và số lượng các loài.

Tuy nhiên dự án chỉ thực hiện thu hồi đất và dựng hàng rào bảo vệ để phục vụ diễn tập phòng thủ, không thực hiện phá rừng để tạo mặt bằng nên hầu như đa dạng sinh học không bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Dự án không gây tác động đến khu di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa nào do không tồn tại các hạng mục đó trong khu vực dự án.

- Đối với cảnh quan khu vực: Trong thời gian thi công, các lán trại công nhân được dựng lên trong khu vực cũng sẽ tác động xấu đến cảnh quan chung.

4. Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội

➤ Tác động tích cực

- Đạt được mục tiêu đã đề ra theo chủ trương đầu tư;

- Tạo việc làm và tăng thu nhập cho các đơn vị, các cá nhân tham gia xây dựng các hạng mục công trình, phát triển dịch vụ kinh doanh tại địa phương.

➤ Tác động tiêu cực

- Việc tập trung công nhân sẽ làm ảnh hưởng đến an ninh khu vực

- Mật độ giao thông gia tăng có thể gây ra tai nạn giao thông, làm cản trở việc đi lại của nhân dân và các đối tượng khác trong khu vực.

- Việc vận chuyển nguyên vật liệu trong thời gian dài sẽ làm gia tăng áp lực lên kết cấu đường trong thời gian dài gây nên các biến dạng về kết cấu làm yếu nền đường, sụt lún nứt vỡ... làm giảm tốc độ lưu thông trên đường.

- Gây bụi làm giảm khả năng quan sát đường của các lái xe khi tham gia giao thông.

- Do dự án nằm gần đất sản xuất nông nghiệp thì đất đá, vật liệu có thể rơi vãi ảnh hưởng đến hoa màu của người dân làm giảm năng suất và ảnh hưởng đến kinh tế.

- Gia tăng các tai nạn:

+ Trong quá trình thi công các yếu tố môi trường, cường độ lao động, mức độ ô nhiễm môi trường, tiếng ồn với cường độ cao và nhất là những ngày nắng nóng có khả năng ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe của người công nhân trong quá trình thi công như gây mệt mỏi, đau đầu và ngất.

+ Công việc lắp ráp, thi công và quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá với mật độ xe cao có thể gây ra các tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

5. Tác động đến các tuyến đường do vận chuyển

Tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ dự án tạm thời được xác định như sau:

Xe chạy theo các tuyến đường chính thuộc phường Tân Phong, Đoàn Kết đi vào

nhánh đường giao thông dẫn vào dự án. Trong quá trình thực hiện dự án có nhiều các loại xe tải lớn tham gia hoạt động vận chuyển và có thể có trường hợp xe chở quá tải trọng thì sẽ làm cho tuyến đường bị xuống cấp, xuất hiện vết nứt, sụt lún, ổ gà. Như vậy không chỉ ảnh hưởng đến tài sản chung của nhà nước mà còn gây ra khó khăn trong việc di chuyển của các phương tiện, gây tai nạn giao thông.

3.1.1.3. Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án

1. Tai nạn lao động, tai nạn giao thông

* Tai nạn lao động có thể xảy ra tại bất kỳ công đoạn xây dựng nào. Nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn lao động như:

- Thiếu sót trong tổ chức thi công: bố trí trình tự công việc không hợp lý, chồng chéo nhau, cắt bớt quy trình thi công...;
- Thiếu sót về kỹ thuật: máy móc, phương tiện, dụng cụ thiếu hoàn chỉnh hoặc bị hư hỏng như thiếu cơ cấu an toàn, thiếu che chắn, thiếu hệ thống báo hiệu phòng ngừa...;
- Vi phạm các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn;
- Các nguyên nhân do rủi ro: tai nạn do xe vận chuyển, trượt té trên giàn giáo, tai nạn về điện...

** Tai nạn giao thông*

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu vào dự án có thể dính theo bùn đất làm rơi vãi bùn đất ra đường, nếu không được thu dọn hoặc phụt rửa bánh xe khi gặp trời mưa dễ hóa lỏng hình thành lớp bùn đất gây trơn trượt làm mất an toàn giao thông. Khi không mưa thì đây cũng là nguồn phát sinh bụi gây cản trở tầm nhìn cũng là nguy cơ gây tai nạn.

- Cũng với hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án làm tăng mật độ giao thông của khu vực cũng dễ gây ra ách tắc và vấn đề an toàn cho người tham gia giao thông.

Các trường hợp về tai nạn lao động, tai nạn giao thông này có thể xảy ra bất kỳ lúc nào, tuy nhiên, chỉ xảy ra trong thời gian ngắn, quy mô tác động không cao. Chủ dự án bảo đảm sẽ phối hợp cùng đơn vị thi công áp dụng các biện pháp giảm thiểu và kiểm soát nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực này.

2. Sự cố cháy nổ

Quá trình xây dựng có thể phát sinh nhiều nguyên nhân có thể dẫn đến cháy nổ:

- Sự cố cháy nổ do quá trình thi công dọn dẹp mặt bằng, do công nhân bất cẩn hút thuốc, đốt lửa...
- Sự cố cháy nổ khác có thể phát sinh từ các sự cố về điện và sét đánh.
- Để giảm thiểu các rủi ro về sự cố môi trường trong quá trình xây dựng, chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý để hạn chế và giảm thiểu tới mức thấp nhất các tác động tới môi trường và kinh tế xã hội trong trường hợp sự cố xảy ra.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.1.2.1. Đối với nước thải

1. Nước thải sinh hoạt

- Nhắc nhở công nhân sử dụng nước tiết kiệm;
- Định hướng công nhân thuê nhà ở tại nhà dân có sẵn nhà vệ sinh có bể tự hoại để hạn chế phát thải ra khu vực thi công.
- Chủ đầu tư quản lý và giám sát chặt chẽ nhà thầu đảm bảo tuyệt đối không xả nước thải trực tiếp vào môi trường trên cơ sở các điều khoản ghi trong Kế hoạch quản lý môi trường của nhà thầu.

***Đánh giá biện pháp áp dụng**

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện, giảm diện tích chiếm đất để xây dựng các công trình đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Hiệu quả: Giảm thiểu được các tác động đến môi trường nước, môi trường đất và môi trường không khí. Đảm bảo nước thải sinh hoạt được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường cho phép theo QCVN 14:2025/BTNMT.

2. Nước thải thi công

- Sử dụng nguyên vật liệu cát, đá sạch trong quá trình thi công để không làm phát sinh nước thải từ hoạt động rửa vật liệu.
- Nước thải thi công dẫn vào hệ thống rãnh thoát nước kích thước (0,3x0,3)m qua hố lắng. Bố trí 01 hố lắng bằng đất, lót bạt bên dưới để nước thải không bị ngấm xuống đất với kích thước (2x1,5x1)m xử lý lắng đọng trước khi đầu nổi ra rãnh thoát nước của đường.
- Định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước và hố lắng hoặc đột xuất khi mưa lớn. Chất thải từ quá trình nạo vét với thành phần là đất, cát được vận chuyển đưa đi đổ tại bãi đổ thải của dự án.

***Đánh giá biện pháp áp dụng**

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện,
- Hiệu quả: Giảm thiểu được các tác động đến môi trường nước, môi trường đất.

*** Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sau khi qua rãnh thoát nước và hố lắng tự đào sẽ chảy về các khe suối dọc tuyến dự án

*** Vị trí xả thải: Trên tuyến thi công**

*** Phương thức xả thải: tự chảy**

3.1.2.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Thực hiện thu gom, phân loại tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026.

- Bố trí 03 thùng rác dung tích 120 lít để thu gom rác thải phát sinh tại nơi ở của công nhân để thực hiện phân loại chất thải gồm chất thải theo hướng dẫn của Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026. Cụ thể gồm nhóm chất thải hữu cơ, nhóm chất thải có khả năng tái chế, nhóm chất thải khác.

- Đối với chất thải hữu cơ như cơm, rau củ quả thừa hàng ngày sẽ được thu gom cho vào thùng màu xanh lá có nắp đậy và tận dụng cho người dân xung quanh làm thức ăn chăn nuôi. Ngoài ra, người đứng đầu đơn vị thi công khuyến khích công nhân chế biến thức ăn vừa đủ với số lượng người để hạn chế chất thải này phát sinh;

- Đối với chất thải có khả năng tái chế như bìa, vỏ chai nhựa.... sẽ được thu gom vào thùng chứa màu xanh lam có nắp đậy, công nhân có thể bán cho đơn vị thu mua hàng tái chế hoặc hàng ngày thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển và xử lý tần suất 3 ngày/lần hoặc khi thùng đầy.

- Đối với chất thải khác như túi nilon cũng sẽ được thu gom vào thùng chứa màu đen có nắp đậy và khi thùng đầy đưa ra khu vực thu gom và xử lý chất thải thông thường của xã để xử lý.

- Đồng thời tuyên truyền nâng cao nhận thức của công nhân về vệ sinh môi trường, xử phạt hành chính đối với các trường hợp vi phạm.

Ưu điểm: Dễ thực hiện.

Nhược điểm: Phải thường xuyên thu gom.

Hiệu quả: Các chất thải rắn được thu gom, xử lý đã hạn chế được mùi hôi do sự phân huỷ chất hữu cơ và hoạt động của vi sinh vật, côn trùng có hại cho sức khỏe con người, giảm các ảnh hưởng đến mỹ quan và môi trường đất.

4. Đối với chất thải rắn thông thường

Thực hiện thu gom, phân loại tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026.

➤ Chất thải rắn trong xây dựng

- Phế thải phát sinh từ hoạt động xây dựng: Thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

+ Sử dụng vật liệu đúng quy cách, đúng tiêu chuẩn tránh thừa gây lãng phí và hạn chế lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công.

+ Chủ đầu tư sẽ cùng với đơn vị thi công có biện pháp thu gom, phân loại, tận thu sử dụng và xử lý đối với tùy loại chất thải rắn xây dựng phát sinh trên để đảm bảo vệ sinh

môi trường tại khu vực Dự án và tránh chiếm chỗ, cản trở giao thông tại khu vực.

+ Mẩu sắt, thép, vỏ bao xi măng được bán cho các đơn vị thu gom phế liệu.

+ Chất thải rắn không tận dụng được (gạch vỡ, cát, đá vôi vữa rơi vãi, bê tông chết) thực hiện thu gom và đem đi đổ thải cùng với đất đá thừa từ quá trình đào đắp.

Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện.

Hiệu quả: Hạn chế lượng đất đá bờ rời bị rửa trôi, xói mòn theo dòng chảy do mưa ở các khu vực bãi đất đá thải.

5. Đối với chất thải nguy hại (CTNH)

Nhằm hạn chế các tác động môi trường do các chất thải này gây ra, chủ đầu tư thực hiện các biện pháp thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, bao gồm:

- Nghiêm cấm các hoạt động chôn lấp, đốt hoặc đổ thải đối với dầu mỡ thải và các chất thải rắn nguy hại trên công trường.

- Các phương tiện hoạt động thi công khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay dầu được đưa tới các gara chuyên nghiệp trong khu vực để xử lý các vấn đề liên quan đến kỹ thuật. Không thực hiện thay dầu, sửa chữa tại khu vực để hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi các loại dầu máy có chứa thành phần độc hại ra môi trường.

→ Đánh giá:

+ Ưu điểm: Đơn giản, dễ áp dụng

+ Nhược điểm: Cần có sự quản lý của Chủ đầu tư và đơn vị thi công

+ Mức độ khả thi: Tương đối cao

+ Hiệu quả xử lý: Đảm bảo các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án được thu gom, phân loại và quản lý theo đúng quy định.

3.1.2.3. Đối với bụi, khí thải

➤ Giảm thiểu bụi do vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu, vận chuyển đổ thải:

Để giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đổ thải, chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công, đơn vị vận chuyển áp dụng các biện pháp sau:

- Che bạt phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu hay đất đá thải để tránh rơi vãi, tránh phát tán bụi ra ngoài;

- Do giờ cao điểm rất ngắn (sáng từ khoảng 7h15-7h45; trưa từ 11h15-11h45; chiều từ 13h15-13h45 và 17h15-17h45) nên nhà thầu cần bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, tránh giờ cao điểm để bụi khí thải hạn chế ảnh hưởng đến người tham gia giao thông đồng thời cũng giảm thiểu sự cản trở và tai nạn giao thông;

- Yêu cầu các chủ phương tiện tham gia đổ thải chạy đúng tốc độ, đúng quy định về an toàn giao thông;

- Đảm bảo định kỳ bảo dưỡng và đánh giá chất lượng khí thải của xe, không sử dụng xe đã quá niên hạn sử dụng;

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;
- Phân bố mật độ xe ra vào chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, có bố trí người cảnh giới và chỉ đường để tránh ùn tắc giao thông gây ô nhiễm cho khu vực;
- Bố trí công nhân thực hiện thu gom, quét dọn vật liệu bị rơi vãi. Chất thải rơi vãi được vận chuyển đổ thải cùng với đất đá thừa từ dự án;
- Phun nước dập bụi trên tuyến đường vận chuyển vào các ngày nắng với tần suất 2 – 4 lần/ngày nhằm hạn chế bụi phát tán trong quá trình vận chuyển;
- Yêu cầu các xe vận chuyển khi đi ra ngoài phạm vi dự án cần đi qua cầu rửa xe tại vị trí cổng ra vào dự án để rửa xe trước khi chạy ra ngoài.

Đánh giá: đây là các biện pháp đơn giản, dễ thực hiện và mang lại hiệu quả cao ngay khi thực hiện.

*** Giảm thiểu bụi từ bãi tập kết nguyên vật liệu**

Để giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ bãi tập kết vật liệu, Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng kho chứa các loại vật liệu xây dựng có diện tích 100m², kho chứa có mái che bằng tôn che chắn xung quanh để giảm thiểu tác động;
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu.

Đánh giá: đây là các biện pháp đơn giản, dễ thực hiện và mang lại hiệu quả cao ngay khi thực hiện.

➤ Giảm thiểu tác động do hoạt động của máy móc, thiết bị

Để giảm thiểu tác động do hoạt động của máy móc, thiết bị trong quá trình thi công, Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Tổ chức thi công hợp lý, chỉ vận hành các máy móc, thiết bị và phương tiện đạt tiêu chuẩn cho phép;
- Bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ trong suốt thời gian thi công;
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để tiết kiệm nhiên liệu và giảm thải ở mức thấp nhất;
- Máy móc, thiết bị thi công sau khi sử dụng sẽ được vệ sinh sạch và tập kết tại các địa điểm quy định trên công trường;
- Trang bị các thiết bị bảo hộ cho công nhân.

Đánh giá: đây là các biện pháp đơn giản, dễ thực hiện và mang lại hiệu quả cao ngay khi thực hiện.

3.1.2.4. Đối với tiếng ồn, độ rung

Trong khu vực dự án sử dụng các loại xe như máy ủi, máy xúc,... các phương tiện chuyên chở vật tư sẽ hoạt động tạo nên ô nhiễm tiếng ồn vì vậy cần phải có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn trong giai đoạn này.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến đường

giao thông vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không chạy quá tốc độ. Ngoài ra các máy móc có tiếng ồn lớn không vận hành sau 22h;

- Các xe tham gia vận chuyển đồ thải và nguyên vật liệu cần chở đúng tải trọng để không làm ảnh hưởng đến các công trình giao thông hiện có;

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc, xe đồng thời không sử dụng loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường;

- Đối với các thiết bị gây ồn sẽ được thiết kế giảm độ ồn cho máy khi vận hành. Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị, thay thế linh kiện xuống cấp;

- Hạn chế hoạt động đồng thời của các thiết bị có độ ồn cao.

Ưu điểm: dễ thực hiện.

Hạn chế: chỉ giảm thiểu tác động của tiếng ồn đối với công nhân xây dựng thông qua việc sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo tiêu chuẩn tiếp xúc với tiếng ồn (QCVN 26:2025/BNMT).

3.1.2.5. Đối với nước mưa chảy tràn

- Thi công theo phương pháp cuốn chiếu theo từng đoạn thi công: san gạt đến đâu đầm lèn chặt đến đó để hạn chế đất xói mòn và cuốn theo nước mưa.

- Trước khi thi công nền – mặt đường, việc tổ chức thoát nước là bước rất quan trọng để tránh nền yếu, lún sụt và hư hỏng kết cấu sau này. Đối với địa hình miền núi và với điều kiện thời tiết mùa mưa kéo dài với những trận mưa lớn liên tục 3-4 ngày thì cần bố trí rãnh thoát nước tạm.

- Nạo vét hồ lắng và khơi thông rãnh thoát nước hiện trạng của đơn vị tại các vị trí để các chất cặn không đọng lại gây ách tắc dòng chảy.

→ *Đánh giá về các biện pháp áp dụng:*

Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện, giảm diện tích chiếm đất để xây dựng các công trình.

Nhược điểm: Phải được thường xuyên kiểm tra và nạo vét định kỳ.

Hiệu quả: Giảm thiểu được các tác động đến môi trường nước cũng như xói mòn đất

3.1.2.6. Đối với các tác động đến đa dạng sinh học

- Việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất sẽ giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái và cảnh quan môi trường. Ngoài ra, Chủ đầu tư và đơn vị thi công thực hiện thêm các biện pháp như:

- Chỉ thực hiện dự án trong khu vực đã được quy hoạch, không được lấn chiếm thêm diện tích;

- Không tập kết chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại ra khu vực đất

sản xuất của người dân;

- Phổ biến cho công nhân về ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường tại các khu vực xung quanh, không xâm phạm ngoài chỉ giới của dự án.

- Thành lập đội giám sát thi công để đảm bảo hoạt động thi công được xây dựng trong đúng phạm vi cho phép cũng như giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường khác.

- Trong quá trình thi công, trường hợp phát hiện động vật thuộc Sách Đỏ Việt Nam hoặc loài nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật, Nhà thầu sẽ tạm dừng thi công tại khu vực liên quan, khoanh vùng bảo vệ và báo cáo kịp thời cho Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và cơ quan Kiểm lâm địa phương. Việc bảo vệ, cứu hộ, bảo tồn chuyển chỗ các cá thể động vật chỉ được thực hiện khi có ý kiến chấp thuận và hướng dẫn bằng văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Đa dạng sinh học và các văn bản pháp luật có liên quan.

3.1.2.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

1. Tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu

- Yêu cầu các xe chở đúng tải trọng cho phép, chạy đúng tốc độ và các xe tham gia vận chuyển đều được kiểm định định kỳ để không gây phát thải quá ngưỡng cho phép về khí thải, không gây tai nạn giao thông và không làm hỏng tuyến đường hiện hữu.

- Chủ dự án cam kết, nếu có tình trạng hỏng đường như nứt đường, sụt lún, ổ gà hay ảnh hưởng đến các công trình khác mà xác định do lỗi của quá trình vận chuyển vật liệu gây ra thì sẽ phối hợp với đơn vị thi công để hoàn trả lại hiện trạng ban đầu.

2. Kinh tế - xã hội

Để giảm thiểu tối đa các vấn đề xã hội trong giai đoạn xây dựng dự án, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các nhà thầu thực hiện các biện pháp sau:

a. Đối với tác động do thu hồi đất và đền bù GPMB

Tác động do chiếm dụng đất để mở rộng thao trường huấn luyện vì lợi ích quốc gia là một loại tác động không thể đảo ngược. Biện pháp giảm thiểu hiệu quả nhất là thực hiện tốt phương án tổng thể về bồi thường được xây dựng theo các quy định của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương có tính đến nguyện vọng của người bị ảnh hưởng.

Trong giai đoạn lập dự án đầu tư, chủ dự án sẽ xây dựng phương án theo các văn bản pháp lý sau:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ;

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; được sửa đổi, bổ sung tại nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ;

Đồng thời thực hiện theo các quy định của UBND tỉnh Lai Châu về lĩnh vực đất đai.

Chủ dự án có trách nhiệm đảm bảo cung cấp đủ, kịp thời các tài liệu cần thiết và kế

hoạch về tiến độ dự án, gói thầu theo từng giai đoạn xây dựng cũng như kế hoạch phân bổ vốn đảm bảo cho việc triển khai hoàn thành công tác thu hồi đất, đền bù, di dân, tái định cư giải phóng mặt bằng đúng tiến độ.

*** Các biện pháp khác**

- Đo đạc chính xác diện tích chiếm đất và đối chiếu với các tài liệu quản lý địa chính để xác định ranh với các loại đất khác để làm căn cứ lập đền bù.

- Xác định cụ thể các loại đất, hạng đất và tài sản trên đất để áp giá đền bù.

- Lập biên bản, thanh toán kinh phí đền bù trực tiếp cho chủ sở hữu được đền bù theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Mặt khác, chủ đầu tư cần thực thi nghiêm túc và minh bạch chính sách đền bù, để nhanh chóng ổn định đời sống sinh hoạt người dân trong vùng dự án.

b. Đối với các tác động khác

- Giảm thiểu tác động do tập trung công nhân:

- Ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động trên địa bàn khu vực dự án cho những công việc xây dựng đơn giản không yêu cầu trình độ, kỹ thuật cao như vận chuyển vật liệu, phụ hồ, nấu ăn...;

- Tuyên truyền, giáo dục cho công nhân, xây dựng quan hệ tốt đẹp với nhân dân địa phương;

- Quản lý tốt lực lượng lao động, ngăn cấm các tệ nạn cờ bạc, say rượu, sử dụng chất kích thích;

- Hướng dẫn cho công nhân về các biện pháp ngăn ngừa và tiêu diệt các loài vật truyền bệnh trung gian (ruồi, muỗi, chuột, bọ gậy...) để đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm qua môi trường nước, bệnh truyền nhiễm do côn trùng và các bệnh xã hội khác.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân xây dựng lưu trú tại địa bàn.

- Trong quá trình thi công đảm bảo che chắn giữa ranh giới thi công và đất sản xuất nông nghiệp để đất đá, vật liệu không rơi vãi ảnh hưởng đến đất nông nghiệp. Nếu làm ảnh hưởng đến năng suất của hoa màu thì nhà thầu có trách nhiệm mời chính quyền địa phương xuống để xác nhận và tính năng suất hoa màu trên phần diện tích đất bị ảnh hưởng để đền bù thỏa đáng cho người dân.

Các biện pháp giảm thiểu tác động xấu trong giai đoạn xây dựng nêu trên là có tính khả thi. Chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng thực hiện nghiêm túc sẽ ngăn ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động xây dựng của dự án đến môi trường và sức khỏe công nhân và nhân dân địa phương.

3.1.2.8. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Tai nạn lao động, tai nạn giao thông

**An toàn lao động*

- Quy định các nội quy làm việc tại công trường bao gồm: nội quy ra, vào; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; an toàn điện; an toàn giao thông; an toàn cháy nổ...
- Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường đều được học tập các quy định về an toàn lao động.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.
- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công.
- Phối hợp với cơ quan y tế địa phương để kịp thời ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

**Phương án điều tiết giao thông, đảm bảo an toàn giao thông*

- Không để vật liệu, thiết bị ảnh hưởng đến ATGT. Ngoài giờ thi công, máy móc thiết bị phải được tập kết vào bãi để không gây khó khăn trong quá trình tham gia giao thông của các phương tiện đặc biệt là vào ban đêm;
- Thi công đến đâu phải dứt điểm và gọn gàng ngay đến đó, tránh để vật liệu bừa bộn gây ảnh hưởng đến sự qua lại của các phương tiện giao thông trên tuyến;
- Cử người túc trực, hướng dẫn giao thông tại các vị trí đang thi công. Người cảnh giới hướng dẫn giao thông đeo băng đỏ bên cánh tay trái, mặc áo phản quang, được trang bị cờ, còi và đèn vào ban đêm.

2. Sự cố cháy nổ

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;
- Các loại nhiên liệu, hóa chất dễ bắt lửa được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện;
- Các máy móc, thiết bị thi công sẽ được quản lý thông qua hồ sơ lý lịch, được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng;
- Đường ra vào và trong nội bộ công trường được bố trí thuận tiện cho xe chữa cháy thực hiện nhiệm vụ khi có sự cố;
- Ban hành nội quy cấm công nhân hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể bắt cháy;
- Đối với hoạt động đốt nhựa đường cần có sự giám sát trong quá trình đốt để không cháy lan ra ngoài phạm vi thực hiện; sau khi đốt xong cần lấy nước dập tắt hoàn toàn để không còn mối lửa gây hỏa hoạn.
- Phối hợp chặt chẽ với cảnh sát PCCC, phòng chống và xử lý kịp thời, khắc phục sự cố nếu có.
- Phối hợp với chính quyền địa phương và lực lượng kiểm lâm để hỗ trợ trong các trường hợp cháy rừng.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải

1. Tác động do bụi và khí thải

Diễn tập phòng thủ gồm các hoạt động sử dụng vũ khí thật, đạn hơi, thuốc nổ tạo giả, thiết bị khói, pháo sáng. Các hoạt động này sẽ phát thải khí độc hại và bụi mịn vào không khí.

Tuy nhiên tác động này được đánh giá là không đáng kể do thời gian tập chỉ khoảng 3-4 lần/năm và cách xa khu dân cư, hiện trạng rừng vẫn được giữ nguyên nên cũng giảm thiểu được 1 phần tác động này.

2. Tác động do chất thải

Kim loại nặng từ vỏ đạn, mảnh bom mìn tạo giả và dầu mỡ rò rỉ từ xe cơ giới có thể ngấm vào đất, trôi xuống các khe nước gây ô nhiễm nguồn nước

3.2.1.2. Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung

Tiếng nổ lớn của pháo, mìn tạo giả gây tiếng ồn lớn, chấn động mạnh. Tuy nhiên tác động này được đánh giá là không đáng kể do thời gian tập không diễn ra thường xuyên.

3.2.1.3. Tác động đến hệ sinh thái

Tiếng nổ lớn khiến các loài động vật hoang dã và gia súc có thể hoảng loạn, ngoài ra lửa tạo giả hoặc đạn vạch đường có nguy cơ cao gây cháy rừng cũng sẽ tác động đến hệ sinh thái.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

Việc giảm thiểu các tác động do bụi, khí thải và tiếng ồn và ảnh hưởng đến hệ sinh thái trong quá trình diễn tập rất khó để có thể đưa ra biện pháp, đây là tác động không thể đảo ngược. Tuy nhiên như đã nêu, hiện trạng rừng sau khi thu hồi chỉ là chuyển đổi mục đích sử dụng đất chứ không làm thay đổi cảnh quan, rừng không bị chặt hạ nên cũng góp phần làm giảm thiểu bụi, khí thải trong hoạt động diễn tập

CHƯƠNG 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

CHƯƠNG 5. THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH

Dự án không có nội dung đề nghị xác nhận thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

CHƯƠNG 6: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

6.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Giám sát chất lượng môi trường là công tác không thể thiếu cho bất kỳ dự án nào, nó giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý môi trường. Các biện pháp quản lý và giám sát, quan trắc môi trường nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ môi trường đã được đề xuất trong Chương 3 sẽ được trình bày trong chương này.

- Mục tiêu của chương trình quản lý môi trường của Dự án là đề ra một chương trình nhằm quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, xây dựng các công trình và trong quá trình Dự án đi vào vận hành, bao gồm:

+ Đưa ra một kế hoạch quản lý việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đã được cơ quan quản lý môi trường phê duyệt và được chuyển hoá thành các điều khoản trong chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án;

+ Đảm bảo quản lý đúng các chất thải, đưa ra được cơ cấu phản ứng nhanh các vấn đề và sự cố môi trường và quản lý giải quyết khẩn cấp các sự cố môi trường;

+ Thu thập một cách liên tục các thông tin về sự biến đổi chất lượng môi trường trong quá trình thực hiện Dự án, để kịp thời phát hiện bổ sung đánh giá những tác động xấu đến môi trường và đề xuất các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường tương ứng.

- Các thông tin thu được trong quá trình quản lý môi trường của Dự án đảm bảo được các thuộc tính cơ bản sau đây:

+ Độ chính xác của số liệu: độ chính xác của số liệu quan trắc được đánh giá bằng khả năng tương đồng giữa các số liệu và thực tế;

+ Tính đặc trưng của số liệu: số liệu thu được tại một điểm quan trắc là đại diện cho một không gian nhất định;

+ Tính đồng nhất của số liệu: các số liệu thu thập được tại các địa điểm khác nhau vào những thời điểm khác nhau của khu vực Dự án có khả năng so sánh được với nhau. Khả năng so sánh của các số liệu được gọi là tính đồng nhất của các số liệu;

+ Khả năng theo dõi liên tục theo thời gian: được thực hiện theo chương trình quan trắc môi trường đã xác định trong suốt thời gian thực hiện Dự án;

+ Tính đồng bộ của số liệu: số liệu bao gồm đủ lớn các thông tin về bản thân yếu tố đó và các yếu tố có liên quan.

6.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của dự án

Chương trình giám sát chất lượng môi trường là một trong những yêu cầu quan trọng của công tác quản lý chất lượng môi trường và cũng là một phần quan trọng trong công tác đánh giá tác động môi trường. Để đảm bảo khi Dự án đi vào hoạt động không gây tác động đến môi trường xung quanh và để đánh giá hiệu quả các biện pháp xử lý chất thải, chương trình giám sát môi trường được đề xuất sau đây sẽ áp dụng trong thời gian xây dựng và hoạt động của Dự án. Chủ đầu tư sẽ thực hiện báo cáo giám sát môi trường gửi về cơ quan quản lý môi trường theo quy định hiện hành. Việc giám sát môi trường sẽ được bắt đầu đồng thời với công tác bắt đầu lắp đặt máy móc và sẽ tiếp tục trong suốt giai đoạn vận hành Dự án. Trách nhiệm giám sát môi trường giai đoạn thi công Dự án thuộc về các nhà thầu thi công và được chủ đầu tư giám sát thực hiện.

6.2.1. Giám sát giai đoạn thi công

Tính chất của Dự án là đầu tư xây dựng Hạ tầng giao thông, căn cứ Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường. Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng bắt buộc phải thực hiện quan trắc môi trường tự động, liên tục, định kỳ. Chính vì vậy, báo cáo đề xuất việc giám sát chất thải như sau:

a. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: khu vực phát sinh chất thải rắn xây dựng, CTNH.
- Thông số giám sát: Việc thu gom, phân định, phân loại, khối lượng chất, chủng loại thải rắn phát sinh.
- Quy định so sánh: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Tần suất: Thường xuyên và liên tục trong quá trình thi công dự án

b. Giám sát khác

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động;
- Vận chuyển nguyên vật liệu của dự án;
- Sạt lở, sụt lún;
- Tần suất giám sát: hàng ngày, trong suốt thời gian thi công.

6.2.2. Giám sát giai đoạn vận hành

- Thông số giám sát: Chất lượng công trình
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

CHƯƠNG 7: KẾT QUẢ THAM VẤN

(Đang cập nhật)

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

* Nhận dạng và đánh giá các tác động

Trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án về cơ bản đã xác định và đánh giá được hầu hết các nguồn thải trong cả giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành từ đó đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động có tính thực tế, dễ áp dụng và mang tính khả thi cao, phù hợp với hiện trạng và địa điểm thực hiện dự án.

- Về mức độ ảnh hưởng và quy mô được được đánh giá theo thứ tự như sau:

+ Tác động tích cực: Đảm bảo sự cơ động lực lượng phục vụ công tác tuần tra bảo vệ biên giới, giữ vững an ninh, chính trị, phòng chống cháy rừng, tạo hệ thống phòng thủ vững chắc, kết hợp đảm bảo bảo an toàn giao thông, an sinh xã hội; thúc đẩy giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế biên mậu giữa Việt Nam - Trung Quốc qua các lối mở.

+ Tác động tiêu cực:

- Tác động do chiếm dụng rừng
- Tác động do ô nhiễm không khí: bụi, khí thải ảnh hưởng đến người dân
- Tác động do nước thải trong sinh hoạt của công nhân và thi công
- Tác động do chất thải sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- Tác động đến kinh tế - xã hội và các vấn đề khác.

Nếu so sánh với hiệu quả mà dự án mang lại thì các tác động này được đánh giá là không đáng kể.

Báo cáo đã xây dựng được chương trình quản lý và quan trắc môi trường phù hợp với từng giai đoạn của dự án và chú trọng đặc biệt đối với các sự cố môi trường, trong suốt quá trình vận hành dự án.

2. Kiến nghị

1. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương hỗ trợ Chủ đầu tư tập huấn nâng cao trình độ của độ ngũ cán bộ, đào tạo cán bộ công nhân viên vận hành quản lý dự án; tổ chức các buổi giáo dục cộng đồng để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân dân địa phương.

2. Đề nghị chính quyền địa phương và các đơn vị bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông phối hợp với đơn vị đảm bảo trật tự an ninh khu vực dự án.

3. Đề nghị UBND tỉnh Lai Châu sớm tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án, tạo điều kiện thuận lợi để dự án sớm được xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đồng thời, làm cơ sở cho công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại địa phương khi dự án đi vào hoạt động.

3. Cam kết của chủ dự án đầu tư

Trên cơ sở những tác động môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án và các điều khoản trong Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư, quyết định, Pháp lệnh về bảo vệ môi trường của Việt Nam, Chủ đầu tư cam kết:

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- Cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường theo như báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu.

- Cam kết thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

Số 287/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 28 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Mở rộng thao trường huấn luyện
Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 165/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Thông báo số 186-TB/VPTU ngày 27/7/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 27/7/2026;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 108/TTr-SXD ngày 24/7/2026 và Báo cáo thẩm định số 125/BC-HĐTĐ ngày 22/7/2026 của Hội đồng thẩm định về báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Mở rộng thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Mở rộng thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu.

1. Mục tiêu đầu tư: Dự án đầu tư nhằm phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2027 theo chỉ đạo của Quân khu 2; đồng thời nhằm bảo đảm đủ điều kiện huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh.

2. **Quy mô đầu tư:** Thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để mở rộng thao trường với tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Xây dựng mới tường rào bảo vệ bao quanh thao trường, chiều dài khoảng 3.000m.

3. **Nhóm dự án:** Nhóm C.

4. **Tổng mức đầu tư dự án:** 65.500 triệu đồng.

5. **Cơ cấu nguồn vốn:** Ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. **Địa điểm thực hiện dự án:** Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

7. **Thời gian, tiến độ thực hiện dự án:** Năm 2026-2027.

Điều 2: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực IX; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

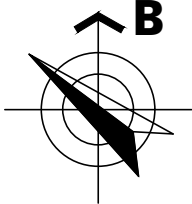
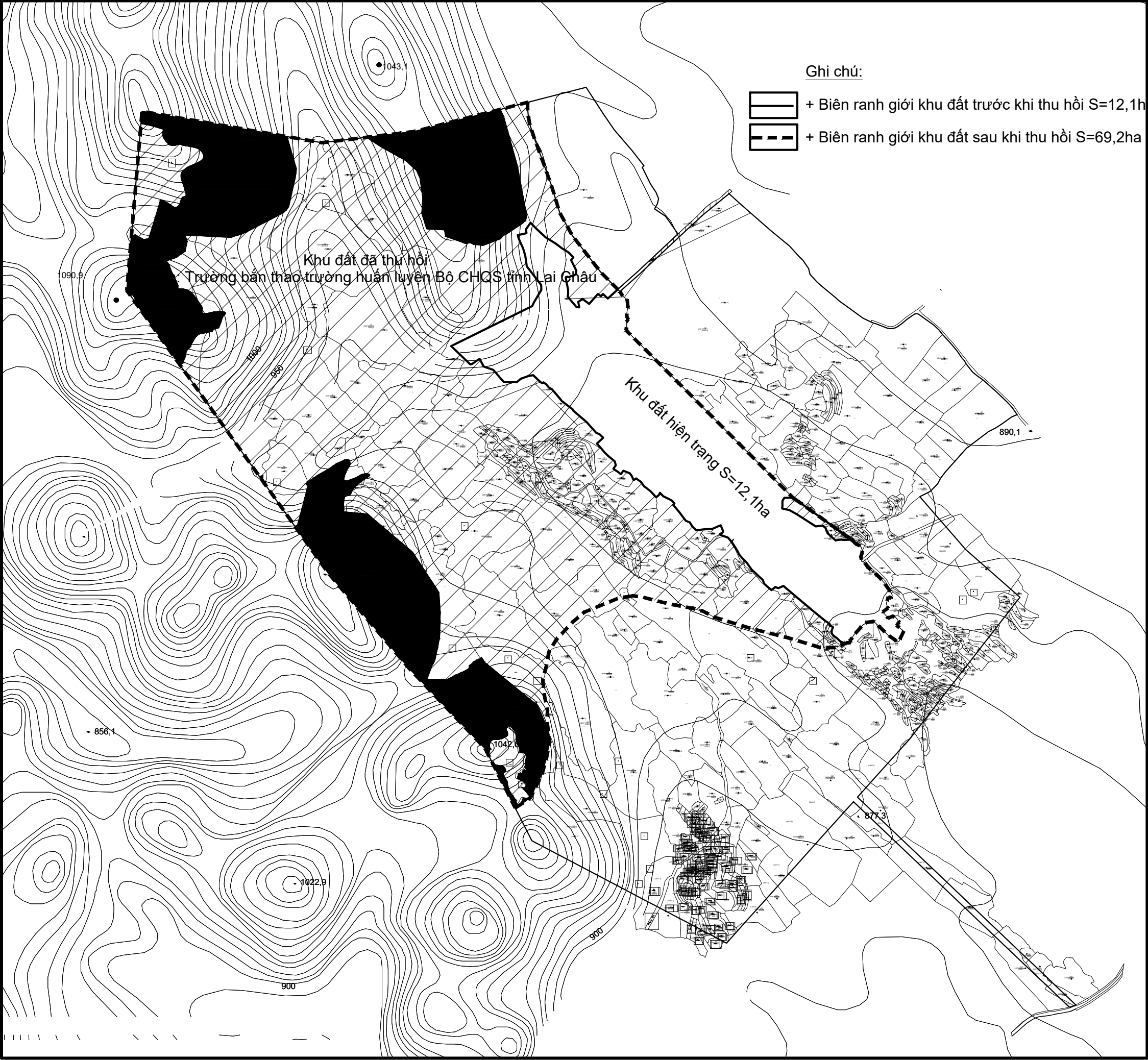
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH4. (b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hà Quang Trung

SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT
CÔNG TRÌNH: MỞ RỘNG THAO TRƯỜNG HUẤN LUYỆN BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU
Địa điểm tại: Phường Đoàn Kết - tỉnh Lai Châu



CHỦ ĐẦU TƯ: BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU	
CÔNG TRÌNH: MỞ RỘNG THAO TRƯỜNG HUẤN LUYỆN BỘ CHQS TỈNH LAI CHÂU	
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG ĐOÀN KẾT TỈNH LAI CHÂU	
HẠNG MỤC: HÀNG RÀO	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG P&T  ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG TÂN PHONG - TỈNH LAI CHÂU VĂN PHÒNG : SỐ NHÀ 034, ĐƯỜNG PHAN CHU TRINH TỔ 9, PHƯỜNG TÂN PHONG, TỈNH LAI CHÂU ĐIỆN THOẠI : 0915.0888.55 EMAIL : CONGTYYXDP.T@gmail.com	
GIÁM ĐỐC:  KS. PHAN THANH PHƯƠNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:  KS. SÙNG THỊ MỸ	
THIẾT KẾ:  KS. HỒ ĐỨC CHUÔNG	
KIỂM TRA:  KS. LÊ VĂN QUÂN	
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT	
NGÀY : ... /08/2026	TỶ LỆ :
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TMB - 01